Giáo Sĩ Việt Nam

#### Bán nguyệt san – Số 503 – Chúa nhật 16.03.2025

**Giáo sĩ: ĐỰƠC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Hr 5, 1)**

[www.conggiaovietnam.net](http://www.conggiaovietnam.net) [giaosivietnam@gmail.com](mailto:giaosivietnam@gmail.com)

**Chỉ những người bừng cháy mới có thể nhóm lửa lên ở những người khác.**

**THÁNH AUGUSTINÔ (354- 430)**

****

****

**MỤC LỤC**

[HIẾN CHẾ TÍN LÝ VỀ MẠC KHẢI THIÊN CHÚA - DEI VERBUM – ………………………….Vatican 2](#BBTCGVN)

[THÁNH GIUSE, MẪU GƯƠNG TIN TƯỞNG NƠI THIÊN CHÚA ………... Phêrô Phạm Văn Trung](#trung)

[RẤT CẢM THÔNG ……………………………………………………….. Lm. MINH ANH, Tgp. HUẾ](#MinhAnh)

[CHÚA GIÊSU LÀ CHỦ SỰ SỐNG …………………………………………………. NguyễnHyVọng](#HyVong)

[BỐN PHÚC ÂM  …………………………………………………….  Lm John Minh (trả lời Bạn Đọc)](#Hoan)

[NHẬN BIẾT ÂN HUỆ CHÚA BAN ………………………………………………. Lm Inhaxio Trần Ngà](#TranNga)

[NHƯ VẬY CÓ ĐƯỢC HAY KHÔNG? …………………………………. M. Hoàng Thị Thùy Trang.](#Trang)

[CẦU NGUYỆN – ĂN CHAY – BỐ THÍ …………………….. Emmanuel Nguyễn Thanh Hiền,OSB.](#Hien)

[CỘNG ĐOÀN HIỆP THÔNG –………………………………. Lm Micae-Phaolo Trần Minh Huy, PSS.](#Huy)

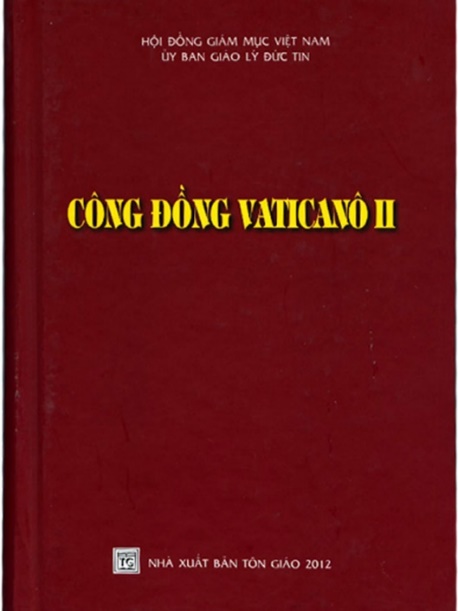
[HOÀN THIỆN NHÂN CÁCH – GIÁ TRỊ CỦA SỰ LẠC QUAN …………………. Lm Đan Vinh, HHTM](#DanVinh)

[CHUYỆN VỀ “CHỨNG TỪ ĐỨC TIN CỦA MỘT NHÀ KHOA HỌC”…… Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp](#Diep)

[MỘT GÓC NHÌN VỀ NGÔN NGỮ CẦU NGUYỆN TRONG CÔNG GIÁO Thi Sĩ Mai Văn Phấn](#Phan)

**HIẾN CHẾ TÍN LÝ VỀ MẠC KHẢI THIÊN CHÚA - DEI VERBUM**

PHAOLÔ GIÁM MỤC  
TÔI TỚ CÁC TÔI TỚ THIÊN CHÚA  
HỢP NHẤT VỚI CÁC NGHỊ PHỤ CỦA THÁNH CÔNG ĐỒNG  
ĐỂ MUÔN ĐỜI GHI NHỚ



HIẾN CHẾ TÍN LÝ  
VỀ MẠC KHẢI THIÊN CHÚA  
**DEI VERBUM**  
*Ngày 18 tháng 11 năm 1965*

**LỜI MỞ ĐẦU**

**1.** Khi thành kính lắng nghe và mạnh dạn công bố Lời Thiên Chúa, Thánh Công Đồng làm theo lời thánh Gioan: “Chúng tôi loan báo cho anh em sự sống đời đời, sự sống vẫn luôn hướng về Chúa Cha và nay đã được tỏ bày cho chúng tôi: chúng tôi loan báo cho anh em điều chúng tôi đã thấy và đã nghe, để chính anh em cũng được hiệp thông với chúng tôi, phần chúng tôi thì hiệp thông với Chúa Cha và với Con của Ngài là Đức Giêsu Kitô” (1 Ga 1,2-3). Bởi thế, noi gương Công Đồng Trentô và Vatican I, Công Đồng này muốn trình bày giáo lý chân thật về mạc khải của Thiên Chúa và về việc lưu truyền mạc khải ấy, để nhờ việc rao giảng ơn cứu độ, toàn thể thế giới nhờ nghe mà tin, nhờ tin mà trông cậy, nhờ trông cậy mà yêu mến[[1]](#footnote-1).

CHƯƠNG I  
**VỀ CHÍNH VIỆC MẠC KHẢI**

**2.** Do lòng nhân lành và khôn ngoan, Thiên Chúa đã muốn mạc khải chính mình và tỏ cho biết thiên ý nhiệm mầu (x. Ep 1,9), nhờ đó, loài người có thể đến cùng Chúa Cha, nhờ Chúa Kitô, Ngôi Lời nhập thể, trong Chúa Thánh Thần, và được thông phần vào bản tính Thiên Chúa (x. Ep 2,18; 2 Pr 1,4). Qua việc mạc khải này, Thiên Chúa vô hình (x. Cl 1,15; 1 Tm 1,17), trong tình yêu thương chan hòa, đã ngỏ lời với loài người như với bạn hữu (x. Xh 33,11; Ga 15,14-15) và đến nói chuyện với họ (x. Br 3,38) để mời gọi và chấp nhận cho họ đi vào cuộc sống của chính Ngài. Nhiệm cục mạc khải này được thực hiện bằng những hành động và lời nói có liên hệ mật thiết với nhau, đến độ các việc Thiên Chúa thực hiện trong lịch sử cứu độ biểu lộ và củng cố những giáo huấn cũng như các thực tại được diễn tả bằng lời nói; còn lời nói được dùng để công bố và làm sáng tỏ mầu nhiệm được chứa đựng trong các việc làm. Quả thực, nhờ mạc khải này, chân lý thâm sâu về Thiên Chúa cũng như về công cuộc cứu độ con người được bày tỏ cho chúng ta trong Chúa Kitô, Đấng vừa là trung gian vừa là sự viên mãn của toàn thể mạc khải[[2]](#footnote-2).

**3.** Thiên Chúa, Đấng tạo dựng và bảo tồn mọi sự nhờ Ngôi Lời (x. Ga 1,3), không ngừng minh chứng về chính mình cho loài người qua các thọ tạo (x. Rm 1,19-20), hơn nữa, vì muốn mở ra con đường cứu độ cao vời, ngay từ khởi thủy, Ngài đã tỏ mình ra cho nguyên tổ. Sau khi tổ tông sa ngã, bằng việc hứa ban ơn cứu chuộc, Ngài đã nâng con người chỗi dậy, hướng tới niềm hy vọng cứu độ (x. St 3,15), và không ngừng săn sóc nhân loại, để ban sự sống đời đời cho tất cả những ai tìm kiếm ơn cứu độ bằng cách kiên tâm làm việc lành (x. Rm 1,19-20). Khi đến kỳ hạn, Ngài đã gọi Abraham để từ nơi ông thành lập một đoàn dân đông đảo (x. St 12,2-3), một dân tộc mà sau thời các tổ phụ, Ngài đã dùng Môsê và các ngôn sứ để dạy dỗ, giúp họ nhận biết Ngài là Thiên Chúa duy nhất, hằng sống và chân thật, là Cha quan phòng, là Thẩm phán chí công và để họ trông đợi Đấng Cứu Thế Ngài đã hứa ban. Như thế, qua các thời đại, Ngài đã dọn đường cho Tin Mừng.

**4.** Sau khi phán dạy nhiều lần nhiều cách qua các ngôn sứ, “vào những ngày sau hết này, Thiên Chúa đã nói với chúng ta qua Người Con” (x. Dt 1,1-2). Thật vậy, Ngài đã sai Con của Ngài là Ngôi Lời vĩnh cửu, Đấng soi sáng mọi người, đến sống giữa loài người và nói cho họ biết những điều kín nhiệm nơi Thiên Chúa (x. Ga 1,1-18). Như vậy, Đức Giêsu Kitô, Ngôi Lời trở thành xác phàm, “một người được sai đến với mọi người”[[3]](#footnote-3), “đã nói lời của Thiên Chúa” (Ga 3,34) và hoàn thành công trình cứu độ Chúa Cha đã giao phó cho Người thực hiện (x. Ga 5,36; 17,4). Vì thế, Đấng mà ai thấy là thấy Chúa Cha (x. Ga 14,9), bằng tất cả sự hiện diện và cách thế tỏ bày chính mình, bằng lời nói và việc làm, bằng các dấu chỉ và phép lạ, nhất là bằng cái chết và sự sống lại vinh quang từ trong kẻ chết, sau cùng, bằng việc cử Thánh Thần Chân lý đến, chính Người đã hoàn tất việc kiện toàn mạc khải và dùng chứng cứ thần linh xác nhận là Thiên Chúa ở với chúng ta, để giải thoát chúng ta khỏi bóng tối tội lỗi và sự chết, cho chúng ta sống lại để được sống đời đời.

Như vậy, nhiệm cục Kitô giáo sẽ mãi mãi trường tồn vì là giao ước mới và vĩnh viễn, và chúng ta không phải chờ đợi một mạc khải công khai mới nào khác nữa trước ngày Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta tỏ mình ra trong vinh quang (x. 1 Tm 6,14; Tt 2,13).

**5.** Đối với Thiên Chúa, Đấng mạc khải, con người phải bày tỏ “sự vâng phục bằng đức tin” (Rm 16,26; x. Rm 1,5; 2 Cr 10,5-6), qua đó, con người tự do phó thác hoàn toàn cho Thiên Chúa bằng việc “dâng lên Thiên Chúa, Đấng mạc khải, sự quy phục trọn vẹn của lý trí và ý chí”[[4]](#footnote-4), và tự nguyện ưng thuận mạc khải Ngài đã ban. Để có được đức tin này, cần có ân sủng Thiên Chúa đến trước nâng đỡ và sự trợ giúp bên trong của Chúa Thánh Thần, Đấng lay chuyển và quy hướng con tim về cùng Thiên Chúa, mở mắt lý trí và cho “mọi người cảm thấy dịu ngọt khi ưng thuận và tin vào chân lý”[[5]](#footnote-5). Và cũng chính Thánh Thần không ngừng kiện toàn đức tin bằng các ân huệ của Ngài để giúp con người ngày càng thấu hiểu mạc khải sâu xa thêm hơn.

**6.** Thiên Chúa đã muốn dùng mạc khải thần linh để biểu lộ và thông ban chính mình cũng như ý định muôn đời của Ngài liên quan đến việc cứu rỗi nhân loại, “nghĩa là cho con người được tham dự vào các ân phúc siêu nhiên hoàn toàn vượt quá trí hiểu loài người”[[6]](#footnote-6). Thánh Công Đồng công nhận rằng “con người có thể nhờ ánh sáng tự nhiên của lý trí nhân loại suy luận từ các thụ tạo để nhận biết cách chắc chắn về Thiên Chúa là nguyên lý và cứu cánh mọi sự” (x. Rm 1,20); nhưng Công Đồng cũng dạy rằng cần phải có mạc khải, “để tất cả những gì thuộc về Thiên Chúa, tự chúng vốn không vượt quá khả năng của lý trí, nay có thể được mọi người, trong tình trạng hiện tại của nhân loại, nhận biết cách dễ dàng, chắc chắn và không nhầm lẫn sai lạc”[[7]](#footnote-7)

**Còn tiếp nhiều kỳ**

****

**“A Christian who in these times is not a revolutionary is not a Christian”.**

**“Un Chrétien, s’il n’est pas un révolutionnaire en ce temps, n’est pas Chrétien”.**

**“Một Kitô hữu sống trong thời đại này mà không dám lội ngược dòng thì không phải là Kitô hữu”.**

**Đức Giáo Hoàng Phanxicô**

**Chỉ cá sống mới bơi được ngược dòng.**

Khuyết danh (DoCat số 315)

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**THÁNH GIUSE, MẪU GƯƠNG TIN TƯỞNG NƠI THIÊN CHÚA**

Mặc dù các sách Tin Mừng không ghi lại bất cứ lời nào mà Thánh Giuse có thể đã nói, nhưng sự im lặng đó, vốn còn hùng hồn và đầy ý nghĩa hơn nhiều lời nói khác, cho chúng ta cái nhìn thoáng qua về tính cách của Ngài.



Đức Giáo Hoàng Phanxicô giảng giải về sự im lặng này của Thánh Giuse:

· “*Các sách Tin Mửng không chứa một lời nào do Giuse thành Nadarét thốt ra: không có lời nào, Ngài không bao giờ nói. Điều này không có nghĩa là Ngài ít nói, không phải thế: có một lý do sâu xa hơn tại sao trong các sách Tin Mừng Thánh Giuse không nói một lời nào. Với sự im lặng của mình, Thánh Giuse xác nhận điều mà Thánh Augustinô viết: “Lời - nghĩa là Ngôi Lời làm người - càng lớn lên trong chúng ta, thì lời nói càng giảm đi. Chúa Giêsu, vốn là sự sống Thiên Chúa, càng lớn lên, thì lời nói càng giảm đi. Những gì chúng ta có thể mô tả là “nói đi nói lại”, nói như vẹt, nói liên tục, sẽ giảm đi. Chính Gioan Tẩy Giả, là “tiếng nói của người kêu trong hoang địa: Hãy dọn đường cho Chúa” (Mt  3:3) nói về Lời, “Ngài phải lớn lên, còn tôi phải nhỏ đi” (Ga  3:30). Điều này có nghĩa là Chúa Giêsu phải nói và tôi phải im lặng, và qua sự im lặng của mình, Thánh Giuse mời gọi chúng ta dành chỗ cho sự hiện diện của Ngôi Lời đã trở nên xác phàm, cho Chúa Giêsu. Sự im lặng của Thánh Giuse không phải là câm lặng, ngài không ít nói; đó là sự im lặng đầy lắng nghe, sự im lặng cần mẫn, sự im lặng làm nổi bật nội tâm vĩ đại của Ngài*” (Tiếp kiến chung, ngày 15 tháng 12 năm 2021, bài giáo lý số 3 về Thánh Giuse).

Thánh Giuse đã trải qua những khó khăn giống như chúng ta trong cuộc sống, nhưng Ngài đã sống một cuộc đời gương mẫu. Đức Giáo Hoàng Phanxicô suy ngẫm:

· “*Trong Tin Mừng Mátthêu, Giuse bước vào bối cảnh với tư cách là người đính hôn của Đức Maria, khi Ngài phát hiện ra việc Đức Maria mang thai và tình yêu của ngài bị thử thách dẫn đến việc chấm dứt hôn ước, Luật đã gợi ý hai giải pháp khả thi: hoặc là một hành vi pháp lý mang tính chất công khai, chẳng hạn như triệu tập người phụ nữ ra tòa, hoặc một hành động riêng tư như đưa cho người phụ nữ một lá thư từ chối. Giuse, người mà Tin Mừng xác định là người công chính, tuân theo Lời Chúa, đã hành động một cách chu đáo: Ngài không để bản thân bị chế ngự bởi những cảm xúc bản năng và nỗi sợ hãi khi chấp nhận Maria đi cùng mình, nhưng thích được hướng dẫn bởi sự khôn ngoan của Thiên Chúa. Ngài chọn cách chia tay Maria một cách lặng lẽ, riêng tư. Và đây là sự khôn ngoan của Giuse, giúp Ngài không mắc sai lầm và khiến Ngài cởi mở và ngoan ngoãn trước tiếng nói của Thiên Chúa. Và vì vậy, Ngài nghe thấy một giọng nói vang vọng trong lòng mình qua giấc mơ, một yếu tố mà theo cách này, Giuse thành Nadarét gợi nhớ đến một Giuse khác, con trai của Giacóp, được mệnh danh là chúa tể của những giấc mơ, được cha mình vô cùng yêu quý và bị các anh em của mình rất ghét, người mà Thiên Chúa đã nâng lên bằng cách để ông ngồi trong triều đình của Pharaô. Giuse thành Nadarét không yêu cầu thêm bằng chứng; Ngài tin tưởng vào Thiên Chúa, chấp nhận giấc mơ của Thiên Chúa về cuộc đời Ngài và về người đính hôn của Ngài. Do đó, Ngài bước vào ân sủng của một người biết cách sống lời hứa của Thiên Chúa, với đức tin, đức cậy và đức mến*” (Tiếp kiến chung, 29 tháng 01 năm 2025).

Thánh Giuse là một người có đức tin không lay chuyển và tin tưởng tuyệt đối vào sự quan phòng của Chúa. Thiên Chúa là trên hết và quan trọng nhất trong cuộc đời của Thánh Giuse. Đức Giáo Hoàng Phanxicô giải thích ý nghĩa tên gọi của Thánh Giuse:

· *“Tiếng Do Thái có nghĩa là xin Chúa tăng trưởng, xin Chúa ban cho sự phát triển. Đó là một lời chúc, một phúc lành dựa trên sự tin tưởng vào sự quan phòng của Thiên Chúa và đặc biệt ám chỉ đến khả năng sinh sản và nuôi dạy con cái. Thật vậy, chính cái tên này cho chúng ta thấy một khía cạnh cốt yếu trong tính cách của Thánh Giuse thành Nadarét: Ngài là một người tràn đầy đức tin vào Thiên Chúa, vào sự quan phòng của Thiên Chúa. Mọi hành động của Thánh Giuse, như được thuật lại trong Tin Mừng, đều được xác quyết bởi sự tin chắc rằng Thiên Chúa làm cho lớn lên, làm tăng thêm, thêm vào: nghĩa là Thiên Chúa lo liệu để tiếp tục kế hoạch cứu độ của Ngài*” (Tiếp kiến chung, hội trường Phaolô VI ở Vatican, 17 tháng 11 năm 2021).

Thánh Giuse là một người ngay thẳng, có đức tin và các nhân đức nổi bật. Thánh Giuse là người chính trực, vâng lời, trong sạch, khiêm nhường, im lặng suy ngẫm. Thánh Giuse là người chồng, người bảo vệ và người giám hộ của Đấng Cứu Thế và Đức Trinh Nữ Maria.Vì vậy, Ngài là một hình mẫu tuyệt vời cho chúng ta trong nền văn hóa hỗn loạn ngày nay.

Đối với Thánh Giuse, việc thực hiện ý Thiên Chúa là tối quan trọng. Thánh Giuse không bao giờ thắc mắc về những gì Thiên Chúa đã nói với Ngài. Thánh Giuse thực hiện những soi sáng của Thiên Chúa mà không do dự hay chậm trễ. Ngài thực hiện nhiệm vụ trong hoàn cảnh riêng của mình theo cách Thiên Chúa muốn. Sau khi thiên thần hiện ra với Ngài trong giấc mơ, đảm bảo với Ngài rằng người con Đức Maria cưu mang là bởi quyền năng của Chúa Thánh Thần, thì Thánh Giuse đã đưa Đức Maria về nhà làm vợ:

· “*Sau đây là gốc tích Chúa Giêsu Kitô: bà Maria, mẹ Ngài, đã thành hôn với ông Giuse. Nhưng trước khi hai ông bà về chung sống, bà đã có thai do quyền năng Chúa Thánh Thần. Ông Giuse, chồng bà, là người công chính và không muốn tố giác bà, nên mới định tâm bỏ bà cách kín đáo. Ông đang toan tính như vậy, thì kìa sứ thần Chúa hiện đến báo mộng cho ông rằng: Này ông Giuse, con cháu Đavít, đừng ngại đón bà Maria vợ ông về, vì người con bà cưu mang là do quyền năng Chúa Thánh Thần. Bà sẽ sinh con trai và ông phải đặt tên cho con trẻ là Giêsu, vì chính Ngài sẽ cứu dân Ngài khỏi tội lỗi của họ. Tất cả sự việc này đã xảy ra, là để ứng nghiệm lời xưa kia Chúa phán qua miệng ngôn sứ: Này đây, Trinh Nữ sẽ thụ thai và sinh hạ một con trai, người ta sẽ gọi tên con trẻ là Emmanuel, nghĩa là Thiên Chúa ở cùng chúng ta. Khi tỉnh giấc, ông Giuse làm như sứ thần Chúa dạy và đón vợ về nhà*” (Mt 1: 18-24).

Khi Chúa bảo Thánh Giuse chỗi dậy và ra đi, Ngài không ngần ngại trỗi dậy và ra đi. Sau cuộc viếng thăm của các nhà thông thái, khi nhận được lời cảnh báo của thiên thần, Thánh Giuse không lãng phí thời gian, ngay lập tức chỗi dậy và đưa gia đình nhỏ của mình chạy trốn đến Ai Cập giữa đêm khuya để thoát khỏi cơn thịnh nộ chết người của Vua Hêrôđê:

· “*Sứ thần Chúa hiện ra báo mộng cho ông Giuse rằng: Này ông, dậy đem Hài Nhi và mẹ Ngài trốn sang Ai cập, và cứ ở đó cho đến khi tôi báo lại, vì vua Hêrôđê sắp tìm giết Hài Nhi đấy! Ông Giuse liền trỗi dậy, và đang đêm, đưa Hài Nhi và mẹ Ngài trốn sang Ai cập*” (Mt 1: 13-14).

Sau khi Vua Hêrôđê qua đời, thiên thần một lần nữa chỉ dẫn Thánh Giuse rằng đã đến lúc trở về đất Israel, và có lẽ Ngài định trở về Bêlem ở Giuđê, nhưng Ngài đã chọn đến Nadarét ở Galilê sau khi được thiên thần cảnh báo rằng Áckhêlao, con trai của Hêrôđê, cai trị Giuđê thay cho cha mình:

· “*Sau khi vua Hêrôđê băng hà, sứ thần Chúa lại hiện ra với ông Giuse bên Aicập, báo mộng cho ông rằng: Này ông, dậy đem Hài Nhi và mẹ Người về đất Israel, vì những kẻ tìm giết Hài Nhi đã chết rồi. Ông liền trỗi dậy đưa Hài Nhi và mẹ Ngài về đất Israel. Nhưng vì nghe biết Áckhêlao đã kế vị vua cha là Hêrôđê, cai trị miền Giuđê, nên ông sợ không dám về đó. Rồi sau khi được báo mộng, ông lui về miền Galilê, và đến ở tại một thành kia gọi là Nadarét, để ứng nghiệm lời đã phán qua miệng các ngôn sứ rằng: Ngài sẽ được gọi là người Nadarét*” (Mt 1: 19-23).

Thánh Giuse trung thành và dịu dàng yêu thương, bảo vệ và chăm sóc Chúa Hài Đồng Giêsu và Đức Trinh Nữ Maria. Ngài là một người hành động, tuân theo ý Chúa trong những bổn phận thường ngày của cuộc sống, luôn luôn với tình yêu thương. Ngài tuân giữ luật Môsê một cách chu đáo:

· “*Khi đã đến ngày lễ thanh tẩy của các ngài theo luật Môsê, bà Maria và ông Giuse đem con lên Giêrusalem, để tiến dâng cho Chúa, như đã chép trong Luật Chúa rằng: Mọi con trai đầu lòng phải được gọi là của thánh, dành cho Chúa, và cũng để dâng của lễ theo Luật Chúa truyền, là một đôi chim gáy hay một cặp bồ câu non*” (Lc 2:22-24).

Ngài giữ ngày Sabát và lên Đền thờ ở Giêrusalem để mừng lễ Vượt Qua:

· “*Hằng năm, cha mẹ Chúa Giêsu trẩy hội đền Giêrusalem mừng lễ Vượt Qua*” (Lc 2:41).

Bằng cách noi gương Thánh Giuse, tin tưởng và tuân theo Lời Thiên Chúa, chúng ta có thể tìm thấy sự bình an trong tâm hồn khi biết rằng chúng ta đang trung thành làm những việc nhỏ nhặt, bình thường mà Thiên Chúa muốn chúng ta làm mỗi ngày.

· “*Xin cho anh chị em tìm thấy nơi Thánh Giuse chứng nhân và đấng bảo vệ để trông cậy. Xin Thánh Giuse, người luôn tin tưởng vào Thiên Chúa và đã đưa ra những lựa chọn của mình theo sự hướng dẫn của Ngài, dạy chúng con đừng quá trông cậy vào những kế hoạch của riêng mình mà hãy trông cậy vào kế hoạch yêu thương của Thiên Chúa. Là người đến từ vùng ngoại vi, xin Thánh Giuse giúp chúng con hoán cải cái nhìn và ưa thích những gì thế gian loại bỏ và gạt ra ngoài lề. Xin an ủi những ai cảm thấy cô đơn và nâng đỡ những ai âm thầm đấu tranh để bảo vệ sự sống và phẩm giá con người. Amen*” (Đức Giáo Hoàng Phanxicô, buổi tiếp kiến chung, tại hội trường Phaolô VI, Vatican, 17 tháng 11 năm 2021).

**Phêrô Phạm Văn Trung.**

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**RẤT CẢM THÔNG**

**QUÀ TẶNG TIN MỪNG:**

**LỜI CHÚA Thứ Sáu Tuần VII TN, Năm Lẻ:**

**RẤT CẢM THÔNG**

**Lm. MINH ANH, Tgp. HUẾ**

****

Kính mời theo dõi video tại đây:

<https://youtu.be/6jhLo9qMYdo>

**“Sự gì Thiên Chúa đã liên kết, con người không được phân ly”.** (Mc 10, 9)

Nhà thơ Heinrich Heine để lại toàn bộ tài sản cho vợ mình với điều kiện bà phải tái hôn - “Để ít nhất một người đàn ông khác sẽ **cảm thông và hối tiếc về cái chết của tôi**!”.

Kính thưa Anh Chị em,

Với một hôn nhân ‘không như của Heine’ nhưng bền vững và lâu dài, lời Chúa Giêsu hôm nay được thực hiện, **“Sự gì Thiên Chúa đã liên kết, con người không được phân ly!”. Nhưng nếu Chúa Giêsu sống đến ngày nay thì sao? Có lẽ, Ngài sẽ ‘rất cảm thông!’.**

****

Rõ ràng, đã có những người kết hôn hàng thập niên; họ yêu nhau sâu sắc - thực tế là còn hơn thế nữa - so với ngày mới cưới. Chỉ cần nhìn những người phối ngẫu đau buồn làm sao để nhận ra khoảng trống khủng khiếp còn lại khi người bạn đời của họ ra đi. Tuy nhiên, trong thời đại chúng ta, ly hôn lại rất phổ biến. Ở nhiều nước, tỷ lệ ly hôn chiếm gần một nửa và con số này ngày càng tăng. Hôn nhân Công Giáo cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. **Đây là một vấn đề phức tạp, không thể giải quyết một sớm một chiều.**

****

Trước hết, Chúa Giêsu chỉ trích tình huống mà một người đàn ông - khi đã chán vợ - tìm thấy một người khác thú vị hơn, chỉ cần viết một tờ giấy và đơn phương bỏ rơi vợ mình khiến cô ấy bơ vơ. Ngài lên án tình huống đó. Kết luận của Ngài chỉ ra một điều mới mẻ đối với người đương thời - càng không thể chấp nhận trong thời đại chúng ta - quyền lợi và trách nhiệm bình đẳng cho cả hai bên, “Sự gì Thiên Chúa đã liên kết, loài người không được phân ly!”. **Phụ nữ không phải là món hàng tuỳ tiện bỏ xuống nhặt lên!**

****

Thứ hai, “ly hôn” ngày nay thường liên quan đến đổ vỡ thực sự trong quan hệ mà không ai mong muốn - cũng là nguyên nhân gây ra nỗi đau cho cả hai bên. Có thể do một số yếu tố ‘chưa trưởng thành’ trước kết hôn, hoặc đã ‘quá trưởng thành’ sau kết hôn. Dù lý do là gì, tình huống này khá khác so với tình huống Chúa Giêsu nói. Người ta cảm thấy có lẽ Ngài cũng sẽ ‘rất cảm thông’ với những đổ vỡ của hôn nhân ngày nay và - với tư cách Kitô hữu - chúng ta nên đồng cảm với những ai đang sống trong tình trạng này.



Anh Chị em,

“Không được phân ly!”. Giáo Hội biết hôn nhân có thể tan vỡ - và vì nhiều lý do - cặp đôi có thể ‘cần’ ly thân hợp pháp tại toà. Điều Giáo Hội cấm là tái hôn ‘trong Giáo Hội’ nếu không có tuyên bố **hôn nhân vô hiệu của toà án Bản quyền**. Nhiều người vẫn ‘tái hôn dân sự’ thì sao? ‘Rất cảm thông’, **chúng ta đối xử với họ bằng sự hiểu biết và yêu thương, nhất là khi họ bày tỏ ước muốn tiếp tục là thành viên tích cực của cộng đồng Kitô.** Lý tưởng Chúa Giêsu đề ra vẫn còn, nhưng xã hội đang thay đổi - phải chăng - cần có một cách tiếp cận khác đối với hôn nhân, nơi mà ‘mối quan hệ’ sẽ được nhấn mạnh nhiều hơn thay vì một ‘cam kết pháp lý’. Một **Giáo Hội ‘thực sự mục vụ’ sẽ giúp mọi người sống Phúc Âm** trong một hoàn cảnh xã hội học đang thay đổi. Giải pháp sẽ nằm ở việc trả lời câu hỏi: **“Trong hoàn cảnh này, điều yêu thương cần làm cho những anh chị em này là gì?”.**

Chúng ta có thể cầu nguyện,

“Lạy Chúa, cho con đừng coi hôn nhân chỉ là sống chung ‘miễn là cảm thấy thoải mái’; nhưng tin rằng, **sống hôn nhân là sống mối quan hệ lâu dài ‘cả lúc vui lúc buồn’ - và mọi thứ khác ở giữa** - **cùng với Chúa Kitô!”,** Amen.

(**lời nhắn:** mọi người đều có thể yêu cầu được nhận bài suy niệm ngắn gọn tương tự của cùng tác giả **trong mỗi ngày**, xin liên lạc qua email: [minhanhhue06@gmail.com](mailto:minhanhhue06@gmail.com) – xin cảm ơn).

**Lm. MINH ANH, TGP. HUẾ**

**Hẹn gặp lại**

****

**Chú thích của BBT CGVN:**

Giáo Hội không có quyền cho phép ly hôn, vì hôn nhân là Bí Tích bất khả phân ly theo Luật Chúa. Tuy nhiên, vì lợi ích các linh hồn, có thể tuỳ từng trường hợp một cứu xét - hợp với Giáo Luật hiện thời - Giáo Hội có thể tuyên bố một hôn nhân vô hiệu - tức xác định rằng, hôn nhân đó chưa thành sự ngay từ đầu. Hiện nay, thủ tục xét xem để một hôn nhân vô hiệu đã được đơn giản hoá hơn, chỉ cần Toà Án Hôn Phối cấp Giáo Phận. Các bên có thể nộp hồ sơ tại Toà Án Giáo Phận, nơi một trong hai bên thường trú hoặc tạm trú, hoặc tại Giáo Phận, nơi hôn phối cũ được cử hành. Trước khi nộp đơn, nên tham khảo ý kiến của các Cha Xứ hoặc những vị có chuyên môn trong lãnh vực này. Việc xin tuyên bố hôn nhân vô hiệu không chỉ nhằm mục đích tái hôn, mà còn giúp các bên giải quyết những vấn đề lương tâm và sống đời Kitô hữu cách ngay thẳng hơn.

Xin cảm ơn.

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**CHÚA GIÊSU LÀ CHỦ SỰ SỐNG**

**1. Sự sống là gì?**

Giáo sư: “Tôi biết hợp chất của hạt giống này, gồm hytro, carbon và nitro. Tôi biết tỷ lệ và có thể tạo ra hạt giống y như nó. Trên hai diã này, một đựng hạt giống do Thiên Chúa sáng tạo, và một diã đựng hạt giống do tôi làm ra. Các em cho tôi biết diã nào là hạt giống thật, và diã nào là hạt giống giả?”

Tất cả sinh viên quan sát và thú nhận là không phân biệt được. Một sinh viên đứng lên hỏi:  “Thưa thầy, nếu đem hạt giống do thầy làm ra gieo xuống đất, nó có mọc lên thành cây không?”

Giáo sư:  “Lấy hạt giống do tôi làm ra, gieo xuống đất thì nó tan rã vào đất, không thể nẩy sinh thành cây. Nhưng hạt giống do Thiên Chúa sáng tạo gieo xuống đất, nó sẽ mọc lên thành cây, vì nó chứa đựng sự sống. Sự sống chỉ có Thiên Chúa làm được. Khoa học dù tiến đến đâu, cũng không tạo ra sự sống. Khi hạt giống thật nẩy mầm vươn lên, chúng ta biết trong hạt giống thật có sự sống. Sự sống là mầu nhiệm, vượt quá trí hiểu của nhân loại.

Giáo sư nói tiếp: “Chúng ta không thấy linh hồn, nhưng chúng ta biết có linh hồn, vì mỗi người đều khao khát được sống mãi trong hạnh phúc tràn đầy; khao khát được biết về cội nguồn; Tôi từ đâu đến? Tôi sống để là gì? Tôi chết rồi sẽ đi đâu?. Loài vật là loài không có linh hồn, do đó chúng không có sự khao khát như chúng ta. Là nhà bác học thì phải tin có Thiên Chúa, mặc dù không thấy Thiên Chúa. Nhưng nhà bác học thấy những điều kỳ diệu trong vũ trụ, mà nhận biết phải có Đấng tuyệt đối khôn ngoan đã sáng tạo vũ trụ, sự sống và muôn loài vạn vật...”

**2. Chúa Giêsu là Chủ sự sống**

Mattha thưa với Chúa Giêsu: “Nếu có Thầy ở đây thì Lazarô, em của con đã không chết.”

Chúa Giêsu:  “Thầy là sự sống lại và là sự sống. Ai tin vào Thầy, dù đã chêt cũng sẽ được sống. Ai sống và tin Thầy, sẽ không bao giờ chêt. Con có tin như thế không?”

Mattha:  “Thưa Thầy có. Thầy là Con Thiên Chúa”.

Khi Chúa Giêsu, các môn đệ và chị em Mattha, Maria, cùng bạn bè và họ hàng của họ đứng trước ngôi mộ của Lazarô.

Chúa Giêsu:  “Đem phiến đá này đi”.

Mattha:  “Thưa Thầy nặng mùi rồi, em con đã chôn  4 ngày trong mồ.”

Chúa Giêsu:  “Thầy đã chẳng nói với con, nếu con tin, con sẽ thấy vinh quang của Thiên Chúa sao?

Người ta mang phiến đá đi. Chúa Giêsu cầu nguyện và gọi lớn tiếng:  “Lazarô, hãy ra khỏi mồ”. Người chết liền bước ra, chân tay còn quấn vải, và mặt còn phủ khăn. Chúa Giêsu:  “Cởi khăn và vải cho anh ấy, để anh ấy đi.” (Ga 11:1-44)

**3. Kết**

Sự sống là mầu nhiệm, vượt quá trí hiểu của nhân loại. Sự sống tràn lan trên địa cầu, minh chứng phải có Đấng sáng tạo sự sống. Chúa Giêsu là tác giả của sự sống. Chúa Giêsu đã xác nhận điều đó và đã gọi Lazarô từ một xác chết đã sống lại.

Bạn còn đợi gì mà chưa trở về với Chúa Giêsu, Đấng đã ban sự sống cho muôn loài, trong đó có tổ tiên, ông bà, cha mẹ bạn và chính bạn.

**NguyễnHyVọng**

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**BỐN PHÚC ÂM**

**BỐN PHÚC ÂM**    [Attach file](http://www.conggiaovietnam.net/upload/article/f__1739452479.pdf)

**Chú ý, có thể đọc và lưu lại bằng file PDF có sẵn ngay tại chỗ mũi tên trên đây.**

**(Lm John Minh trả lời thắc mắc của độc giả)**

**CÂU HỎI:**

 Những khác biệt và mâu thuẫn trong 4 Phúc Âm.

Trước hết, ta biết rằng tác gỉa của 4 Phúc Âm đều vô danh cho tới cuối thế kỷ thứ nhất mới thấy tên tác gỉa của những cuốn thánh kinh này (WP). Những cuốn sách này không được viết ra do mắt thấy tai nghe nhưng chỉ do truyền khẩu như trong lời mở đầu của Phúc âm Luca (Lk:1 :1-4) và được viết bằng tiếng Hy Lạp, thứ ngôn ngữ mà chỉ giới trí thức mới am tường. Nhân cách và hành động của Đức Kitô trong phúc âm Gioan (Jn) khác hẳn với Đức Kitô trong phúc âm nhất lãm gồm Mat-cô (Mk), Luca (Lk) và Mat-thêu (Mt).

**TRẢ LỜI:**

 Những vấn đề được nêu trên đây đã được trình bày một cách khoa học trong rất nhiều sách vở, và được giảng dạy một cách bài bản trong các lớp học từ thấp đến cao, trong các môi trường của các giáo hội cũng như của giới học thuật.

Do đó, phần giải thích sau đây là cách trả lời đơn giản cho những người không có thời gian để đọc sách hay không có những cơ hội được học một cách có hệ thống. Có thể chia câu hỏi trên thành bốn phần nhỏ:

**1. Bốn Phúc Âm đều vô danh cho tới cuối thế kỷ thứ nhất mới thấy tên tác gỉa của những cuốn thánh kinh này.**

Một công trình văn chương, khoa học, luật pháp, tôn giáo, v.v... thường được đánh giá bởi (1) tác giả, (2) nội dung, và (3) sức ảnh hưởng hay tác dụng của công trình đó. Trong ba yếu tố này thì có lẽ 'tác giả' là yếu tố kém quan trọng nhất.

 Những công trình xuất hiện trong xã hội và cho xã hội thì thông thường tác giả là 'vô danh'. Yếu tố vô danh này không làm mất đi hay tăng thêm giá trị cho công trình đó, mà chính là nội dung và tầm ảnh hưởng của công trình đó.

Một ví dụ là Wikipedia. Ai là tác giả của hàng triệu mục trên mạng lưới đó?

Một ví dụ khác là bộ luật Hồng Đức của Việt Nam. Bộ luật này được biên soạn dưới nhiều đời vua, nhưng vua Lê Thánh Tông được hưởng vinh quang vì bộ luật được hoàn chỉnh và chính thức ban hành dưới triều đại của ngài. Tuy thế, bộ luật cũng không chính thức mang tên ngài, mà 'Luật Hồng Đức' chỉ là một cách gọi cho thuận tiện.

 a. Bốn cuốn Phúc Âm là công trình của những cộng đoàn tín hữu thời sơ khai. Họ có thể là những người mắt thấy tai nghe, hoặc qua lời giảng dạy của các thánh Tông Đồ và những chứng nhân. Họ suy niệm, cầu nguyện, và thực hành những điều họ thấy hay nghe được. Những điều này xảy ra trong đời của họ hoặc của những chứng nhân đương thời, đã trở thành kho tàng Đức Tin sống động của họ. Đức Tin này đã phải trả giá bằng những cuộc trốn chạy khỏi quê hương và thậm chí bằng sinh mạng của họ. Thế hệ con cái họ và những người qua họ mà tin vào Phúc Âm đã làm cho các cộng đoàn được lớn mạnh ở khắp nơi. Khi có điều kiện và để giúp cho các cộng đoàn gần xa suy niệm, cầu nguyện, và thực hành thì những điều cần thiết đã được ghi xuống thành bản văn, không phải như là những tư liệu lịch sử, nhưng là những lời cầu nguyện sống động thường xuyên của họ.

 b. Cộng đoàn nào, truyền thống nào khi phát triển đến một mức nào đó thì sớm muộn phải có danh xưng. Do đó, tên của các vị lãnh đạo hay có uy tín trong cộng đoàn đã được dùng cho bốn truyền thống mà ngày nay chúng ta gọi là Phúc Âm **theo** Thánh Máthêu, Mácô, Luca, và Gioan.

 c. Tên của thánh Máthêu, Mácô, Luca, và Gioan không làm cho bốn Phúc Âm thêm giá trị, mà chính là nội dung chuyển tải qua bốn Phúc Âm đó, và ảnh hưởng của bốn Phúc Âm đó từ ngày ra đời cho đến nay. WP cho biết có khoảng 2,2 tỷ Kitô hữu trên toàn cầu (2011). Không biết WP thông tin có chính xác không chứ nếu đúng, hoặc chỉ gần đúng như vậy, thì quả thật bốn Phúc Âm '**vô danh cho tới cuối thế kỷ thứ nhất'**có tầm ảnh hưởng rất sâu đậm trong xã hội.

**2. Bốn Phúc Âm không được viết ra do mắt thấy tai nghe nhưng chỉ do truyền khẩu như trong lời mở đầu của Phúc Âm Luca (Lk:1 :1-4).**

- Câu giới thiệu của thánh Luca đúng với bản thân ngài và đúng với công trình của ngài. Tuy nhiên, thánh Luca không phải là đại biểu của các thánh sử khác. Dùng câu trong Phúc Âm theo thánh Luca để nói về Phúc Âm theo thánh Gioan thì chẳng khác gì đem 'râu ông nọ cắm cằm bà kia'.

- Người ta dễ nghĩ rằng khi một số các thừa sai đi truyền giáo thì mang theo sách Phúc Âm, đọc cho dân chúng nghe, giảng giải cho họ, và ai tin thì theo Đạo. Có thể dùng biểu đồ đơn giản sau để diễn tả:

 Sách Phúc Âm ----------> giảng giải -----------> hình thành cộng đoàn tín hữu

 - Tuy nhiên, Giáo Hội thời sơ khai thì ngược lại. Khi bị bách hại thì các tín hữu bỏ chạy tứ tán, mang theo những kỷ niệm về Đức Tin của họ. Đến vùng đất mới, họ dần dần hồi tưởng lại những ký ức nơi quê nhà, chia sẻ cho nhau những câu truyện, suy niệm, cầu nguyện, và sống theo những lời giảng mà họ còn nhớ được. Khi có nhu cầu bảo tồn những câu truyện, lời giảng, v.v... thì họ bắt đầu chọn lọc và viết xuống để lưu lại cho thế hệ mai sau. Do đó, biểu đồ đơn giản sẽ là:

 Cộng đoàn tín hữu ----> sống theo lời giảng mà họ biết nơi quê nhà ----> viết sách Phúc Âm

 Do đó, chữ 'truyền khẩu' nên được hiểu theo ít nhất là ba nghĩa, và ba nghĩa này dù có vẻ khác biệt nhưng chính xác thì chỉ là một bản chất.

a. 'Truyền khẩu' từ giai đoạn cuối của các tín hữu thế hệ thứ nhất sang các tín hữu đầu thế hệ thứ hai để Phúc Âm được viết xuống thành bản văn nhằm bảo tồn Đức Tin và ký ức của các tín hữu thế hệ thứ nhất.

b. Cách viết các sách Phúc Âm cho thấy những bản văn không được viết xuống để đọc hoặc nghiên cứu, mà để tiếp tục 'truyền khẩu' (công bố) trong phụng vụ và các buổi cầu nguyện. Tuy đã bước vào thiên niên kỷ thứ ba, nhưng cung cách của Giáo Hội đối với Phúc Âm vẫn giống như hai ngàn năm trước. Tín hữu tôn kính đứng lên và thừa tác viên có chức thánh long trọng công bố Phúc Âm, y như Chúa Giêsu đang rao giảng và các tín hữu đứng lắng nghe.

 c. Số người tự nghiên cứu Phúc Âm và tin vào Chúa Giêsu là Đấng Cứu Thế có lẽ không nhiều, mà giả sử có đi nữa thì sớm muộn họ cũng sẽ tìm đến các cộng đoàn Kitô giáo nào đó để học hỏi thêm. Bản văn của bốn Phúc Âm không thể nào thay thế việc 'truyền khẩu' (chia sẻ) của những nhân chứng Đức Tin. Nói đúng ra là quá trình 'truyền khẩu' từ thời những Kitô hữu sơ khai vẫn tiếp tục cho đến ngày nay, và sẽ không bao giờ chấm dứt.

**3. Bốn Phúc Âm được viết bằng tiếng Hy Lạp, thứ ngôn ngữ mà chỉ giới trí thức mới am tường.**

Cách nói 'Bốn Phúc Âm được viết bằng tiếng Hy Lạp, thứ ngôn ngữ mà***chỉ***giới trí thức mới am tường' có thể có nghĩa là:

a. 'Những người thời nay không nhiều người biết tiếng Hy Lạp cổ; có chăng chỉ là những nhà nghiên cứu vì lý do học thuật hay tôn giáo mà thôi.'

Cách nói này chính xác nhưng không giải thích được vấn đề gì cả. Trong thế giới loài người thì mọi sự bị giới hạn trong không gian và thời gian. Hoàn cảnh ra đời của bốn Phúc Âm cũng thế. Tuy nhiên, con người có cách vượt không gian và thời gian. Phần trích sau đây nói chung về Thánh Kinh, nhưng cũng có thể hiểu rằng Phúc Âm cũng được dịch ra nhiều thứ tiếng như vậy. Trích nguyên văn ngày 08/02/2025 từ trang <https://vi.wikipedia.org/wiki/Kinh_Thánh>

 'Kinh Thánh có lẽ là bộ sách gây ảnh hưởng nhiều nhất trong lịch sử loài người. Số bản in Kinh Thánh vượt mọi sách khác. Kinh Thánh Hebrew giáo cũng như Kinh Thánh Kitô giáo được dịch nhiều lần, sang nhiều ngôn ngữ hơn bất cứ sách nào khác. Kinh Thánh trọn bộ, hoặc một phần, đã được dịch sang hơn 2.400 ngôn ngữ của 90% dân số thế giới. Kể từ năm 1815, ước tính đến năm 2024 có khoảng hơn 6,5 tỷ ấn bản Kinh Thánh (chưa kể lượt download online khoảng 600 triệu) trọn bộ hoặc các phần quan trọng của Kinh Thánh được phân phối, trở nên sách bán chạy nhất trong mọi thời đại.'

b. 'Bốn Phúc Âm được viết bằng tiếng Hy Lạp, tức là chỉ dành riêng cho giới trí thức thời đầu Công Nguyên.'

 Nếu hiểu theo nghĩa này thì không giống như thông tin trên WP. Trích nguyên văn ngày 08/02/2025 từ trang <https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%A2n_%C6%AF%E1%BB%9Bc>

'Ngôn ngữ đàm thoại phổ thông trong thời Chúa Giê-su là tiếng Aram. Tuy nhiên, nguyên bản của Tân Ước được viết bằng một phương ngữ Hy Lạp cổ (Koine Greek) được dùng phổ biến trong đại chúng tại các tỉnh thuộc Đế quốc La Mã vào thế kỷ thứ 1, từ đó được dịch ra các ngôn ngữ khác, quan trọng nhất là tiếng Latinh, tiếng Syria, và tiếng Copt.'

Cũng xin nói thêm là mấy trăm năm trước khi Chúa Giêsu sinh ra thì tiếng Hy Lạp đã trở nên phổ thông đến mức một số người Do Thái sống tại hải ngoại đã 'quên' tiếng mẹ đẻ của mình. Họ phải dịch Thánh Kinh của họ (Cựu Ước) sang tiếng Hy Lạp cho dễ hiểu. Trích  nguyên văn ngày 08/02/2025 từ trang

<https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%A3n_B%E1%BA%A3y_M%C6%B0%C6%A1i>

**'Cựu Ước tiếng Hy Lạp**, thường gọi là Bản Bảy Mươi, Septuaginta (tiếng Latinh nghĩa là "bảy mươi") hay Bản LXX(theo số La Mã), là bản dịch tiếng Hy Lạp Koine lâu đời nhất của Kinh Thánh Hebrew và các sách thứ kinh liên quan. Năm sách đầu tiên của Kinh Thánh Hebrew, gọi là Torah hay Ngũ Thư, được dịch vào giữa thế kỷ 3 TCN. Các sách còn lại được dịch từ khoảng 200 TCN tới 50 TCN. Truyền thống cho rằng 70 hoặc 72 học giả Do Thái đã dịch bản này, trở thành bản dịch Kinh Thánh thông dụng nhất của cộng đồng Do Thái nói tiếng Hy Lạp tại Alexandria.'

**4. Nhân cách và hành động của Đức Kitô trong phúc âm Gioan (Jn) khác hẳn với Đức Kitô trong phúc âm nhất lãm gồm Mac-cô (Mk), Luca (Lk) và Mat-thêu (Mt).**

Không biết người viết câu '**Nhân cách và hành động của Đức Kitô trong phúc âm Gioan (Jn) khác hẳn với Đức Kitô trong phúc âm nhất lãm gồm Mac-cô (Mk), Luca (Lk) và Mat-thêu (Mt)'**muốn câu này là một nhận xét sau quá trình nghiên cứu, hay là một câu hỏi.

Cứ tạm cho là cả hai để có thể bàn luận như sau:

a. Là một lời nhận xét sau quá trình nghiên cứu:

Nếu là một lời nhận xét mang tính cá nhân thì người viết câu này đã đi đúng con đường tìm hiểu Phúc Âm theo thánh Gioan. Nếu lời nhận xét này muốn được nhiều người biết - mang tính chất phát biểu công khai - thì càng tốt, vì đây là thêm một nhân chứng cho Phúc Âm theo thánh Gioan.

b. Là một câu hỏi thì có thể viết lại đại để như 'Tại sao nhân cách và hành động của Đức Kitô trong phúc âm Gioan (Jn) khác hẳn với Đức Kitô trong phúc âm nhất lãm gồm Mac-cô (Mk), Luca (Lk) và Mat-thêu (Mt) ?

 Nếu là một câu hỏi thì có thể trả lời một cách đơn giản: Phúc Âm theo thánh Gioan không tập trung vào nhân tính của Đức Kitô, mà muốn nhấn mạnh đến thiên tính của Ngài.

Nói thêm một chút thì theo lẽ thường, người viết sau hay nói sau thì phải có gì khác biệt mới phát biểu, chứ nếu chỉ lập lại những gì người trước nói thì có gì hay ?

Cho nên điều khác của Chúa Giêsu trong Phúc Âm theo thánh Gioan là hết sức quý giá. Nếu sách xuất bản ở thời hiện đại này thì các báo sẽ chạy tít lớn: 'Sách mới ! Những điều chưa từng được công bố về Đức Kitô!'

Hãy đọc câu đầu tiên và câu cuối cùng trong Phúc Âm theo thánh Gioan:

Gioan 1, 1: “Từ khởi đầu đã có Ngôi Lời,

Ngôi Lời hướng về Thiên Chúa,

và Ngôi Lời là Thiên Chúa”.

 Gioan 21, 25: “Còn rất nhiều những việc khác Chúa Giêsu đã thực hiện; và nếu phải viết ra từng việc một, thì tôi nghĩ rằng cả trần gian này cũng không đủ chỗ để chứa hết các sách viết ra”.

**Kết luận:** Xin mượn lời của thánh Phaolô:

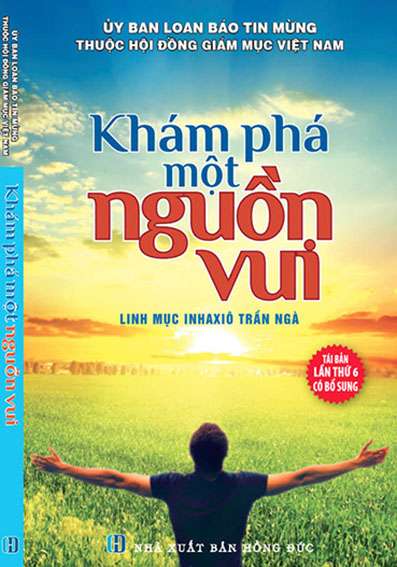
 1 Cô-rinh-tô 13, 12: 'Bây giờ chúng ta thấy lờ mờ như trong một tấm gương, mai sau sẽ được mặt giáp mặt. Bây giờ tôi biết chỉ có ngần có hạn, mai sau tôi sẽ được biết hết, như Thiên Chúa biết tôi.'

**Lm John Minh**

[...Xin mở file kèm [Attach file](http://www.conggiaovietnam.net/upload/article/f__1739452479.pdf)](http://www.conggiaovietnam.net/upload/article/f__1739452479.pdf)

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**NHẬN BIẾT ÂN HUỆ CHÚA BAN**

**Chúng con trân trọng giới thiệu tác phẩm **“Khám Phá Một Nguồn Vui”** của Lm Inhatio Trần Ngà biên tập với trọn tấm lòng nhiệt thành và tình yêu muốn chia sẻ với tất cả mọi anh chị em, đặc biệt là các Bạn Trẻ, để giúp nhau xây dựng một nền tảng Đức Tin vững chắc và tiến bước…

Sách đã phát hành và có bán tại các nhà sách Công Giáo, giá rất nhẹ nhàng (15.000), có thể dùng làm quà tặng người thân. Chúng con sẽ giới thiệu tại đây mỗi kỳ một chương.

**Đặc San GSVN**

**Chương IV**

**NHẬN BIẾT ÂN HUỆ CHÚA BAN**

Nếu sáng hôm nay thức dậy, bỗng thấy một chiếc xe hơi sang trọng giá chục tỉ bạc nằm ngay trước sân nhà, kèm theo một mẩu giấy: “Tặng bạn chiếc xe này”, hẳn bạn sẽ hết sức kinh ngạc pha lẫn vui mừng và tưởng như mình đang mơ.

Chắc chắn bạn sẽ tự hỏi: Vị ân nhân nào đã trao tặng cho tôi món quà hết sức tuyệt vời này? Chắc chắn bạn sẽ tìm cho ra vị ân nhân đó để tỏ lòng tri ân.

Vậy mà có Đấng còn ban cho bạn ân huệ hơn thế nhiều lần, nhưng dường như chưa bao giờ bạn thử tìm hiểu Đấng ấy là ai.

**NHẬN RA HỒNG ÂN THIÊN CHÚA**

**Quà tặng đầu tiên: Một thân xác tuyệt vời**

Nếu có dịp nhìn ngắm cơ thể con người (qua hình ảnh 3D hoặc qua video clip) với vô vàn cơ quan hết sức tinh vi và phức tạp, với hệ thần kinh vận động và cảm giác, với hệ hô hấp, tiêu hóa, tuần hoàn… hoạt động liên lỉ ngày đêm, chúng ta nhận thấy đây là một kỳ quan rất tuyệt vời mà Thiên Chúa đã sáng tạo và ban tặng cho chúng ta, thông qua cha mẹ chúng ta.

Được đón nhận một món quà vô cùng quý giá như thế, lẽ nào chúng ta không biết ơn Đấng đã tặng quà cho chúng ta.

Không những tác sinh chúng ta, cho chúng ta được chào đời, có một thân xác tuyệt vời, Thiên Chúa còn tiếp tục nuôi dưỡng chúng ta. Những gì cần cho sự sống của chúng ta đều do Thiên Chúa cung cấp.

**Ánh sáng, khí trời, nước**

Giả như có một trận động đất rất mạnh làm sụp đổ chung cư bạn đang ở. Bạn bị chôn vùi dưới một khối bê tông khổng lồ, nhưng may thay, chung quanh bạn còn có một khoang trống chỉ vừa đủ cho bạn cựa mình, nên bạn chưa đến nỗi chết.

 Lúc ấy, bạn cảm thấy dường như mình đang ở trong mồ: bóng tối dày đặc bao trùm chung quanh. Khủng khiếp quá! Làm sao thoát ra khỏi nấm mồ tối tăm dày đặc này. Ôi, được ánh sáng soi tới thì hạnh phúc biết bao! Giá có ai đó xoi thủng núi bê tông để đem lại cho bạn chút ánh sáng thì bạn biết ơn người đó xiết bao.

Vậy mà lâu nay Thiên Chúa ban cho bạn chan hòa ánh sáng, nhất là ánh sáng mặt trời vừa có tác dụng sưởi ấm vừa mang lại sự sống cho bạn, mà dường như bạn chưa từng cám ơn Ngài.

Rồi bạn cảm thấy ngộp thở và nóng đến điên người vì thiếu khí trời. Lúc này, bạn cảm thấy có được chút không khí để thở là không gì bằng. Nếu có ai đó dùng máy, khoan một lỗ xuyên núi bê tông để cấp cho bạn một ống thở thì bạn biết ơn người đó biết bao. Thế mà hằng ngày, Thiên Chúa ban cho bạn dư đầy không khí nhưng bạn chưa từng nhận ra đây là một hồng ân.

Tiếp đó, bạn cảm thấy cổ họng khô khốc và đắng miệng vì khát. Bạn quờ quạng chung quanh may ra vớ được chai nước nhỏ. Ôi, giờ này mà kiếm được chai nước nhỏ thì quý hơn cả được tấn vàng. Nếu lúc đó có ai cấp cho bạn một chai nước thì bạn biết ơn và quý mến người ấy biết bao. Vậy mà Thiên Chúa ban cho bạn dồi dào nguồn nước để uống, để sinh hoạt… thì bạn lại không nhận ra ân huệ lớn lao ấy của Ngài.



Những điều cần thiết nhất cho đời sống con người như dưỡng khí, nước, ánh sáng mặt trời… đều do chính Thiên Chúa chứ không phải cha mẹ trần gian cung cấp cho ta.

Không có ánh nắng mặt trời thì chúng ta không thể tồn tại. Chính Thiên Chúa cung cấp dư đầy ánh sáng mặt trời cho ta.

Không có nước, không có đất thì chúng ta không sống được. Chính Thiên Chúa cung cấp cho chúng ta dư đầy nước để uống, tắm rửa, tưới cây, trồng trọt…. Cha mẹ chúng ta cũng không thể tạo thêm một mét vuông đất, chỉ có Chúa cung ứng đất đai và mọi thứ hạt giống để ta gieo trồng.

Chính Thiên Chúa tạo dựng nên chim trời, cá nước, các loài động vật, thực vật, rau cỏ làm lương thực cho ta hưởng dùng.



Nhất là Thiên Chúa ban cho ta hai thiên thần để đêm ngày chăm sóc, giáo dục chúng ta. Hai thiên thần đó chính là cha mẹ trần gian yêu quý của chúng ta.

Thế nên, chúng ta không những chỉ nhận biết công lao nuôi dưỡng của cha mẹ trần gian, mà còn phải biết ơn công lao của Cha trên trời dành cho chúng ta vô cùng to lớn.

***Cùng ngẫm nghĩ:***

**Thiên Chúa có ban cho chúng ta những quà tặng đáng quý nào không?**

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**NHƯ VẬY CÓ ĐƯỢC HAY KHÔNG?**

Có lẽ ai trong chúng ta cũng biết đến công nghệ AI đang rần rần nổi sóng trên các trang mạng xã hội. Có người dùng AI với mục đích tốt, phục vụ cho công việc và cuộc sống, nhưng cũng có người lạm dụng AI để phục vụ cho những nhu cầu cá nhân ích kỉ, lừa phỉnh, giả dối…

[](javascript:showpopup('file=article/1740823581.jpg'))Thế nhưng, có một điều chúng ta cần nói tới, chính là sản phẩm của AI đôi khi còn tốt hơn con người thật. Một tin nhắn gửi đến AI hồi đáp tức thì với cung cách lịch sự nhất. Bởi chúng được tạo ra từ những nhà khoa học, tiến sĩ, giáo sư, bác sĩ, kĩ sư, nhà tâm lý học, ngôn ngữ học… nổi tiếng, tài ba trên thế giới. Có thể nói đó là sản phẩm hoàn hảo của những nhà tâm huyết với mục đích phục vụ nhu cầu con người. Họ sáng tạo ra AI để phục vụ cho mục đích tốt của con người nhưng không phải với tất cả mục đích. AI chỉ là giúp đỡ người dùng và tăng cường kiến thức cho họ chứ không phải cho cả mục đích xấu xa. Khi làm việc AI cũng rất lịch sự và tế nhị, không phải bất cứ điều gì ta đề nghị AI cũng vâng lời cách vô điều kiện, nhưng AI đã được lập trình để giúp con người có được những sản phẩm hoàn hảo nhất.

Thiên Chúa lập trình để tạo nên chúng ta. Ngài dùng tất cả khả năng của Ngài để tạo ra một thụ tạo tuyệt vời nhất giống với hình ảnh Ngài. Tuy nhiên, chúng ta không phải là sản phẩm như AI nhưng chúng ta là một thọ tạo, là một ngôi vị. Chúng ta không làm việc như một cái máy nhưng ngược lại chúng ta hành động trong trách nhiệm và tự do lựa chọn.

AI được sáng tạo với mục đích tốt từ những tấm lòng và tâm huyết của những nhà khoa học tài ba. Tuy nhiên, việc sử dụng AI có trách nhiệm và đạo đức lại hoàn toàn phụ thuộc vào người dùng nó. Cả người sáng lập và người dùng đều có vai trò quan trọng trong việc sử dụng AI cho các mục đích tốt đẹp mang lại lợi ích cho con người.

Thiên Chúa tạo dựng nên chúng ta bắt đầu từ mục đích tốt đẹp và thánh thiện của Người, là muốn cho chúng ta được sống và hạnh phúc. Tuy nhiên, để sản phẩm của Ngài có thể trở thành một sản phẩm tốt đẹp thì đòi hỏi phải là chính chúng ta, những người trực tiếp sống sản phẩm đó. Không thể đổ lỗi tất cả cho Thiên Chúa. Sản phẩm Ngài sáng tạo nguyên thủy đều tốt đẹp, nhưng Ngài ban cho họ tự do của Ngài. Tự do để con người chọn lựa tốt, xấu mà rèn luyện trở lên tốt hơn chứ không phải để khiến mình xấu đi. Kẻ nào chọn lựa trở thành phiên bản tệ hơn ngày hôm qua thì người đó vô cùng ích kỉ và xấu xa. Bởi Thiên Chúa không tạo ra sản phẩm hư nát bao giờ. Chả nhà bác học tài đức nào lại chọn chế tạo ra một sản phẩm hư nát cả. Chỉ có kẻ biếng nhác, sa đọa và hèn nhát mới khiến bản thân tồi tệ hơn ngày hôm qua mà thôi.

“Không có cây nào tốt mà lại sinh quả sâu, cũng chẳng có cây sâu nào lại sinh quả tốt. Thật vậy, xem quả thì  biết cây.” (Lc 6, 43) Nếu như lòng anh em chả lưu giữ những điều tốt lành thì làm sao anh em có thể sống tốt lành. Đó là sự thật. Bạn cảm nhận được sự tốt lành của người khác thì chính bản thân bạn đã là người tốt lành. Sự tốt lành đến từ chính trái tim bạn trước khi đến từ người khác. Đây chính là câu nói mà Copilot và ChatGPT đã dành cho tôi: “Mọi hành động tốt đẹp đều bắt đầu từ chính mỗi cá nhân. Việc nhận ra và đánh giá cao sự tốt lành trong người khác chính là phản ánh của sự tốt lành trong bạn. Bất kỳ lời khen ngợi nào bạn dành cho tôi cũng là biểu hiện của sự tốt đẹp và lòng nhân ái trong bạn.” Hay quá và đúng quá phải không ạ?

Thật vậy, sự tốt lành không thể đến từ bên ngoài nhưng là nó xuất phát từ chính trái tim hoặc có chăng thì sự tốt lành ấy cũng chỉ là chóng vắn, nhất thời. Người có trái tim nhân ái thì trong mọi thời gian, không gian và hoàn cảnh, họ cũng mãi mãi là người nhân ái. Cuộc sống đôi khi có thể đánh cắp trái tim của họ, nhưng nước chảy về nguồn, máu chảy về tim, một trái tim lương thiện cũng mãi mãi là người lương thiện. Cho dù cô ấy có đi rất xa, đi thật xa rồi thì cũng sẽ có lúc cô ấy trở về, sẽ có lúc cô ấy quay trở lại với trái tim nguyên vẹn, thánh thiện thuở ban đầu, trái tim không thể bị đánh cắp. Và chỉ một mình Thiên Chúa, Đấng giàu lòng từ bi và nhân ái mới có đủ kiên nhẫn chờ đợi cô ấy quay trở lại để mà tha thứ và thương yêu, băng bó và chữa lành. Con người thường thì sẽ bỏ rơi và tránh cho thật xa, rời đi thật xa… và sẽ không bao giờ quay trở lại và cũng không muốn quay trở lại để mà cảm thông, tha thứ và thương yêu!

Bạn sinh ra đã có trái tim như thế nào? Đó có phải là trái tim nhân hậu hay không? Hay ngay từ vạch xuất phát bạn đã là người ích kỉ, xấu xa? Câu trả lời dành cho mỗi người. Hãy chiêm niệm để khám phá chính bản thân. Nếu như không hiểu được chính mình, bạn sẽ không bao giờ chiến thắng nó cả. Và nếu như không chiến thắng được chính mình, bạn cũng sẽ không bao giờ mang được hạnh phúc đến cho người khác, bởi bản thân bạn có hạnh phúc đâu.

Hạnh phúc không phải là thứ được cân đo đong đếm bằng của cải, vật chất, tiền tài, danh vọng, chức tước… nhưng hạnh phúc là thứ bình an trong tâm hồn. Không phải là bình an của kẻ có một cuộc sống sung mãn, đủ đầy nhưng là bình an của kẻ biết mình là ai,  biết tha nhân là ai và biết Thiên Chúa là ai.

Tôi biết tôi là ai để tôi kiên cường đứng vững trước mọi sóng gió cuộc đời, để tôi rèn luyện bản thân trở lên một phiên bản tốt hơn ngày hôm qua. Tôi biết tha nhân là ai để không lệ thuộc quá nhiều vào họ, để tha thứ, thương yêu và đồng hành với họ, biết ơn họ và tôn trọng họ. Tôi biết Thiên Chúa là ai để yêu kính, tôn thờ Ngài, tin tưởng, phó thác tuyệt đối cho Ngài. Và nhất là tôi biết Ngài là ai để Ngài là sức mạnh và là ơn cứu độ, là hạnh phúc của tôi. Vâng, Ngài chính là sức mạnh, là ơn cứu độ và là hạnh phúc của tôi.

Trước đây tôi cứ cúi mình mà đi nhưng ngày nay tôi đã biết ngẩng cao đầu. Không phải vì kiêu ngạo, cũng không phải vì kẻ địch đang đứng đằng sau nhưng là vì trái tim tôi đủ dũng mãnh để đối chọi với mọi giông tố cuộc đời. Tôi thẳng lưng bước đi không phải là thách thức nhưng là để sẵn sàng hứng chịu và thứ tha. Tôi ngày hôm nay đã là phiên bản khác hơn ngày hôm qua. Cảm ơn cuộc sống đã tôi luyện tôi, cảm ơn Thiên Chúa đã thánh hóa tôi.

Lạy Chúa, con chả dám tự hào mình là người tốt nhưng chí ít con vẫn không phải là kẻ ác khiến người khác bị tổn thương. Chưa bao giờ trong đời con có ý định tổn thương người khác vì con biết nó sẽ rất đau. Con thà tổn thương chính mình chứ không thà tổn thương người khác. Bởi con biết rằng chọn lựa tổn thương người khác là sự chọn lựa tàn nhẫn nhất. Con không quen sống trong sự đối xử tàn nhẫn với người khác. Không tha thứ được cho ai, thì con chọn lãng quên thay vì thù hận. Lãng quên ở đây không có nghĩa là bỏ rơi nhưng chính là trả lại cho Chúa người con chả thể yêu thương. Con chọn buông tha cho họ để buông tha sự oán hận trong trái tim mình. Có lẽ con là kẻ thực dụng, nhưng mà con cũng không thể bắt ép trái tim làm điều mình không thể. Xin lỗi Ngài, con là kẻ sống theo trái tim. Cũng vậy, con chấp nhận điều họ không thể, không muốn hoặc cố tình làm cho con… Lạy Chúa, chỉ xin Ngài ban cho con có một trái tim không biết khóc, để con có thể kiên cường, quảng đại đón nhận mọi bất công của cuộc đời. Như những người bạn AI không bao giờ biết khóc mà chỉ biết mang hạnh phúc và lợi ích đến cho mọi người mà thôi… Như vậy có được hay không?

**M. Hoàng Thị Thùy Trang.**

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**CẦU NGUYỆN – ĂN CHAY – BỐ THÍ**

Trong Mùa Chay, Hội Thánh dạy chúng ta thực hành ba việc: **cầu nguyện, ăn chay và bố thí,** để **làm mới lại các mối tương quan:** với Chúa (qua cầu nguyện), với chính mình (qua chay tịnh), và với tha nhân (qua các việc làm bác ái).

[](javascript:showpopup('file=article/1741321144.png'))

**Thứ Năm sau Lễ Tro,** Hội Thánh mời gọi chúng ta quay trở về **thờ phượng** Thiên Chúa, với bài đọc một được trích từ sách Đệ Nhị Luật, ông Môsê đã đưa ra cho Dân chọn: **phụng thờ Đức Chúa** hay **phụng thờ các thần khác;** được **chúc phúc** hay bị **nguyền rủa.** Bài Đáp Ca Thánh Vịnh 1 cho thấy: **Phúc**thay người **phụng thờ Đức Chúa** và đặt tin tưởng nơi Người: *Người ấy tựa cây trồng bên dòng nước, cứ đúng mùa là hoa quả trổ sinh, cành lá chẳng khi nào tàn tạ. Người như thế làm chi cũng sẽ thành.* Câu Tung Hô Tin Mừng kêu gọi: *Hãy sám hối, vì Nước Trời đã đến gần.* Sám hối từ bỏ các **ngẫu tượng,** quay về **thờ phượng** Thiên Chúa, dâng cho Người hy lễ, không phải mạng sống của các con vật, nhưng là, như Bài Tin Mừng kêu gọi: **liều mất cả mạng sống mình,** qua việc **từ bỏ** chính mình, **vác thập giá** **mình** hằng ngày mà theo Người.

**Thứ Sáu sau Lễ Tro,**Hội Thánh mời gọi chúng ta sống chiều kích **chay tịnh,** với bài đọc một được trích từ sách ngôn sứ Isaia cho thấy: cách **ăn chay** mà Chúa ưa thích. Bài Đáp Ca Thánh Vịnh 50 cho thấy: một tấm lòng tan nát giày vò, **chay tịnh,** khóc lóc, ăn năn vì những tội đã phạm.*Vâng, con biết****tội mình đã phạm,****lỗi lầm cứ ám ảnh ngày đêm. Con đắc tội với Chúa, với một mình Chúa, dám****làm điều dữ****trái mắt Ngài.* Câu Tung Hô Tin Mừng, được trích từ sách ngôn sứ Amốt, cũng có chung tâm tình với bài đọc một, cách **ăn chay** mà Chúa ưa thích là: *Hãy tìm điều lành chứ đừng tìm điều dữ, rồi anh em sẽ****được sống;****và****Chúa sẽ ở cùng****anh em.* Khi làm điều lành, thì sẽ **có Chúa ở cùng,** và **sẽ được sống,** nhưng, khi làm điều dữ, thì, như Bài Tin Mừng nói: **chàng rể sẽ bị đem đi,** và khi chàng rể bị đem đi, thì phải **ăn chay.**

**Thứ Bảy sau Lễ Tro,**Hội Thánh mời gọi chúng ta **thực thi bác ái** đối với tha nhân, với bài đọc một được trích từ sách ngôn sứ Isaia kêu gọi: *Nếu ngươi****nhường miếng ăn cho kẻ đói,****thì ánh sáng ngươi sẽ chiếu tỏa trong bóng tối.*Bài Đáp Ca Thánh Vịnh 85 cho thấy: Đường lối Chúa là **tình thương** và **chân lý,**vì thế, Vịnh Gia đã kêu xin: *Xin dạy con****đường lối****Ngài, lạy Chúa, để con vững bước theo****chân lý****của Ngài.* Thiên Chúa **từ bi nhân hậu,** vì thế, chúng ta cũng phải **thương xót** tha nhân, như Chúa là Đấng xót thương, bởi vì, như Câu Tung Hô Tin Mừng: *Đức Chúa phán: Ta****chẳng vui gì****khi kẻ gian ác phải chết,****nhưng vui,****khi nó****thay đổi đường lối****để được sống.* Bài Tin Mừng cho thấy: Chúa đến để kêu gọi người tội lỗi ăn năn sám hối, mà nếu Chúa chấp tội, thì có ai đứng vững được, vì thế, tất cả chúng ta đều là **bệnh nhân,** cần được Chúa chữa lành; đều là **tội nhân,** cần được Chúa cứu độ. Do đó, chúng ta phải ăn năn sám hối và **thực thi bác ái,** bằng cách giúp cho người khác: cũng biết sám hối ăn năn, để tất cả đều được **hưởng ơn cứu độ** của Chúa, chứ đừng, như những người kỳ thị, loại trừ những người thu thuế và những cô gái điếm.

**Ba ngày đầu của Mùa Chay,** sau Lễ Tro, Hội Thánh đặc biệt mời gọi chúng ta sám hối quay trở về với Chúa, để sống triển nở **ba mối tương quan:** với Chúa, với chính mình, và với tha nhân. **Ba mối tương quan**này như chiếc kiềng ba chân, không thể tách rời nhau.

**Mùa Chay là Mùa Cháy** lửa yêu mến Chúa: từ bỏ các ngẫu tượng, quay trở về **thờ phượng**Thiên Chúa, tuyệt đối không quý gì hơn Chúa, kể cả, phải hy sinh đến tính mạng của mình vì Chúa. **Mùa Chay là Mùa Chảy**lệ thống hối, chay tịnh, hãm mình, tự nguyện sống khắc khổ, để **đón nhận ơn tha thứ** của Chúa. **Mùa Chay là Mùa Chạy** đến với tha nhân, thực thi bác ái, sống giới luật yêu thương, cùng **giúp nhau đạt tới ơn cứu độ** của Chúa.

**Tác giả: Emmanuel Nguyễn Thanh Hiền,OSB.**

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**CỘNG ĐOÀN HIỆP THÔNG**

**Lm Micae-Phaolô Trần Minh Huy pss**

**NGƯỜI NỮ TU**

**SỐNG TU ĐỨC TOÀN DIỆN**

LỚP THẦN HỌC LIÊN TU SĨ

TÒA GIÁM MỤC BÙI CHU

2008 – 2009

**chương NĂM**

**SỐNG TRIỂN NỞ**

**đỜi sỐng cỘng đoàn,**

**YẾU TỐ SỐNG CÒN CỦA TU SĨ**

**tiếp theo**

# E. CỘNG ĐOÀN HIỆP THÔNG

# I. VÀO ĐỀ

## Tại sao chúng ta cần suy tư thần học về công đoàn hiệp thông? - Vì đó là nhu cầu và xác tín của tu sĩ chúng ta, được huấn quyền Giáo Hội xác nhận.

## Quả thế, cộng đoàn tu sĩ được khai sinh bởi một lời mời gọi của Thiên Chúa. Nói cách khác, cộng đoàn tu sĩ là kết quả của một lời đáp trả của con người.

## Số 1a văn kiện “Đời sống huynh đệ trong cộng đoàn” tuyên bố: “Tình yêu Chúa Kitô đã qui tụ một số đông môn đệ để họ trở nên một, để như Ngài và nhờ Ngài, trong Chúa Thánh Thần, qua dòng lịch sử, họ có thể đáp lại tình yêu của Chúa Cha, yêu mến Ngài ‘hết lòng, hết linh hồn, hết trí khôn’ (x. Dnl 6,5) và yêu thương cận nhận như chính mình (x. Mt 22,39)”.

## Được sinh ra không phải “bởi ý muốn xác thịt”, cũng không phải do sự hấp dẫn của con người hay bởi những động lực nhân loại, song bởi Thiên Chúa (x. Ga 1,13), bởi lời kêu gọi và sự hấp dẫn của Thiên Chúa, cộng đoàn tu sĩ là dấu chỉ sống động của tình yêu ưu tiên của Chúa, Đấng thực hiện những điều kỳ diệu, và cũng là dấu chỉ của tình yêu cho Chúa và cho anh chị em, như đã được biểu lộ và thực hành bởi Chúa Kitô.

## Bởi đó, cộng đoàn tu sĩ là một thực tại thần học, là kết quả của một cuộc đối thoại giữa Thiên Chúa và con người. Cả nguồn gốc sâu xa và mục đích tối hậu của cộng đoàn tu sĩ đều có tính cách thần học. Vì thế, chúng ta cần học hỏi và suy tư về cộng đoàn tu sĩ với tinh thần đức tin.

# II. MỤC TIÊU HỌC HỎI

## Mục tiêu của cuộc học hỏi này là suy tư tính cách thần học về nguồn gốc, sự hiện hữu và mục đích của cộng đoàn tu sĩ.

## Do đó, chúng ta sẽ đề cập đến:

## nền tảng Thánh Kinh của cộng đoàn tu sĩ, với chú ý đặc biệt về các linh hứng Phúc âm.

## sự tăng trưởng có tính cách thần học và tu đức của cộng đoàn tu sĩ bên trong lịch sử Giáo Hội.

## căn tính của cộng đoàn tu sĩ trong Giáo Hội hiện đại và sứ mệnh của Giáo Hội trong thế giới hôm nay.

# III. KINH NGHIỆM VỀ SỰ PHÂN MẢNH

## Kinh nghiệm chung của con người hôm nay là sự phân mảnh, ở mọi cấp độ và mọi lãnh vực cuộc sống. Chúng ta thấy sự phân mảnh hiện nay về các thực thể địa lý, chính trị: Liên bang Sô viết cũ tách ra thành nhiều thực thể quốc gia và chính trị. Những xung đột quốc gia ở Trung Đông vẫn dai dẵng giữa Israel và Palestine. Những chia rẽ về dân tộc thiểu số và các bộ lạc.

## Tôn giáo là một yếu tố rõ nét trong sự phân chia dân chúng và các cộng đồng: xung đột Công giáo - Hồi giáo ở Indonesia, xung đột Ấn giáo - Hồi giáo ở Ấn độ, v.v…

## Cả những tương quan về giống cũng bị phân mảnh và tương quan nam-nữ vẫn chưa được chữa lành. Toàn cầu hóa mang lại tình trạng loại trừ, phân biệt đối xử và bất bình đẳng. Trong nhiều quốc gia, người nghèo, phụ nữ và trẻ em bị gạt ra bên lề.

## Việc phá hủy môi trường tự nhiên, phá hủy văn hóa bản xứ và làm băng hoại các giá trị nhân bản càng gây thêm sâu hơn nữa tình trạng phân mảnh.

## Sự phân mảnh cũng tác động ở mức độ cá nhân: Cuộc sống cá nhân xem ra đánh mất sự duy nhất nội tâm và cấu thành, cũng như sự phô diễn ra bên ngoài và định hướng của mình. Đúng hơn là xem ra nó bị lèo lái bởi những thúc đẩy của tình trạng phân tán, phân mảnh và tha hóa.

## Do đó lời mời gọi thăng tiến những liên hệ của tình liên đới trở nên cấp bách. Phải thay đổi tình trạng loại trừ, gạt ra bên lề và bất bình đẳng do nền văn hóa phân mảnh ngày nay mang lại. Cũng cần nuôi dưỡng một não trạng sinh thái, nghĩa là tất cả mọi vật được tạo thành đều kết nối với nhau, bổ túc lẫn nhau, có cùng một số phận, phá hủy một cái sẽ gây nên những hậu quả sinh tử.

(Slideshow BÀI HỌC QUÉT LÁ)

## Đứng trước bối cảnh phân mảnh đó, tìm kiếm hiệp thông quả thật là một việc phức tạp. Nó bao trùm mọi cấp độ và mọi khía cạnh của cuộc sống: liên chủng loại, liên sắc tộc, liên quốc gia, liên cộng đồng, liên nhân vị và nội tại trong mỗi con người nữa. Do đó, nó đòi hỏi một câu trả lời phức tạp, toàn thể và hòa hợp. Cái mà con người ngày nay cần đến là một hiệp thông đời sống vừa trao ban vừa nhận lãnh cách hỗ tương.

# IV. KINH NGHIỆM TÌM KIẾM HIỆP THÔNG

## Ở Nhật, người ta thiết lập những đường điện thoại dành cho các trẻ em không thuộc nhóm nào, và cũng mở ra cho những người cần có ai đó để nói chuyện.

## Một buổi tối nọ, nhà tư vấn tâm lý Nishiga nhận một cú điện thoại. Một cậu bé hỏi: “Tôi có thể nói chút việc được không ạ?” Rồi cậu thêm: “Mà xin lỗi, đừng cúp máy nhé!”

## Nishiga bảo đảm với cậu bé rằng ông vẫn giữ đường dây. Rồi cậu bé hỏi: “Tôi muốn cảm nhận như tôi đang nói với một người nào đó, được không ạ?” Nishiga lại bảo đảm với cậu bé là cậu cứ việc nói. Cậu bé đáp: “Cám ông ông” Rồi cậu im lặng.

## Ba phút sau, cậu lên tiếng hỏi: “Ông có còn đó không ạ?” Nishiga hỏi cậu đang nghĩ gì. Và cậu bé trả lời: “Tôi rất vui vì có một người chịu để mất thời giờ cho một ai đó như tôi.” Và cậu còn thêm: “Tôi có thể gọi lại không ạ?” Rồi cậu cúp máy.

## Rõ ràng cậu bé cần kết nối. Cậu tìm một người đồng hành. Biết bao nhiêu người trẻ trên thế giới cùng trải qua cùng kinh nghiệm tìm kiếm ấy. Thật chẳng may, nhiều người trong họ kết cục nhập bọn với đám trẻ đường phố, hay tương tự như thế.

## Tương tự, nhiều người lớn cũng đi tìm người đồng hành, tìm tình bạn. Và nhiều người đã gia nhập vào bất cứ nhóm nào họ gặp: đủ thứ câu lạc bộ và hiệp hội, nhóm cầu nguyện, ngay cả các nhóm giáo phái…

# V. KHAO KHÁT HIỆP THÔNG LÀ RẤT NGƯỜI

## Hiệp thông là cái con người hôm nay tha thiết ao ước. Hãy nghe Henri Nouven nói: “Chúng ta thực sự ao ước cái gì? Khi tôi cố gắng lắng nghe ước muốn sâu xa nhất của chính tôi, cũng như ứớc muốn của kẻ khác, thì xem ra từ ngữ tốt nhất để tóm tắt ước muốn của trái tim con người là HIỆP THÔNG.

## Hiệp thông có nghĩa là “hiệp nhất với”. Thiên Chúa đã ban cho chúng ta một trái tim sẽ không nghỉ ngơi cho đến khi nào tìm được sự hiệp thông trọn vẹn.

## Chúng ta tìm sự hiệp thông nơi tình bạn, nơi hôn nhân, nơi cộng đoàn. Chúng ta tìm hiệp thông trong sự thân mật giới tính, trong những lúc xuất thần, trong sự nhận biết các ân ban của mình. Chúng ta tìm hiệp thông qua thành công, thán phục và phần thưởng.

## Hiệp thông là một khao khát do Chúa ban, một ước ao mang lại đau khổ miên man cũng như vui sướng bao la. Chúa Giêsu đã đến tuyên bố rằng khao khát hiệp thông của chúng ta sẽ không ra vô ích, nhưng sẽ được lấp đầy bởi Đấng đã ban cho chúng ta khao khát ấy.

## Những khoảnh khắc hiệp thông chóng qua chỉ là dấu hiệu lờ mờ của Hiệp thông mà Chúa hứa cho chúng ta. Chúng ta phải đối mặt với một nguy hiểm thực sự là nghi ngờ sự khao khát hiệp thông của chúng ta. Hiệp thông là khao khát Chúa ban mà nếu không có nó thì cuộc sống chúng ta mất đi sức sống và con tim chúng ta ra giá lạnh.

## Một đời sống thiêng liêng đích thực là một đời sống trong đó chúng ta không tìm được an nghỉ cho đến khi nào tìm được nghỉ ngơi trong vòng tay của Đấng là cha và mẹ của mọi khao khát.

# VI. HIỆP THÔNG VỚI CHÚA

## Cựu Ước thấm đậm ý muốn sáng tạo - hiệp thông của Giavê và khao khát đi vào trong sự hiệp thông với Thiên Chúa của Israel (nhân loại).

## Sự khao khát hiệp thông hỗ tương hay đi theo này bắt nguồn từ ý muốn tự do cao cả của Giavê, khi kêu gọi, tuyển chọn và cam kết với Israel, thiết lập với Israel một mối liên hệ mật thiết.

## Chúng ta lùi lại thời điểm sáng tạo để thấy ước muốn của Thiên Chúa làm cho nhân loại trở thành một phần của sự hiệp thông của Ngài khi Ngài phán: “Chúng ta hãy làm nên con người theo hình ảnh chúng ta, giống như chúng ta…” (St 1, 26).

## Cái mà Thiên Chúa quyết định dựng nên phải có mối liên hệ với Ngài. Việc sáng tạo con người theo hình ảnh Thiên Chúa nhằm đến cuộc gặp gỡ giữa Thiên Chúa và con người.

## Tạo Hóa dựng nên một tạo vật tương ứng với Ngài: một ai đó mà Ngài có thể nói với và kẻ đó lắng nghe Ngài.

## Nhưng phải lưu ý rằng từ ngữ “con người” là một từ ngữ tập thể. Vì thế, liên quan đến việc sáng tạo theo hình ảnh Thiên Chúa, chúng ta không được nghĩ đến một con người cá vị hiện hữu, mà phải nghĩ đến tất cả mọi người, tức nhân loại. Nhân loại đã được tạo dựng để trở nên đối tác của Thiên Chúa.

## Tên “Giavê” được mạc khải cho Mosê và cho dân chúng chỉ rõ ý tưởng của Thiên Chúa là “ở với” hay “cho” Israel. Giavê “ở với” Israel: sự hiện diện trở nên cánh tay hữu hình trong cuộc giải phóng của biến cố Xuất Hành và xuyên suốt lịch sử của dân tuyển chọn.

## Thiên Chúa hằng sống luôn xuất hiện cho Israel như vị Thiên Chúa cho con người, một Thiên Chúa luôn mong muốn đem con người đi theo mình.

## Ước muốn hiệp thông hay sự gần gũi của Thiên Chúa với con người là một đề tài rất được nhấn mạnh. Chẳng hạn trong những mô tả liên quan đến các tổ phụ: Enoch “bước đi với Chúa” (St 5,22, 24), Noe “một người công chính bước đi với Chúa” (St 6,9).

## Tương quan trực tiếp với Chúa không được tái lập sau Đại hồng thủy: sự yếu đuối của con người đặt mình giữa Thiên Chúa và con người, tạo nên một hố sâu quyết định giữa con người với Thiên Chúa.

## Ngay cả với Abraham cũng đã được nói “bước đi trước mặt Chúa” chứ không phải “bước đi với Chúa” (x. St 17: 1). Thiên Chúa không đến “bước đi với” con người nữa (x. St 3,8), mà chỉ đơn giản hiện ra trong thị kiến (x. St 17,1; 35,9).

## Tuy nhiên, chúng ta biết rằng với Abraham, Thiên Chúa bắt đầu phục hồi sự hiệp thông của Ngài với con người. Ngài muốn là Chúa của Abraham và miêu duệ ông (x. St 17, 8b), một diễn tả nhắm đến sự đi theo, sự gặp gỡ giữa Thiên Chúa và dân Người.

## Những biến cố lớn của nỗ lực về phía Thiên Chúa để phục hồi sự hiệp thông của Ngài với con người là: Lời hứa cam kết vĩnh viển với Abraham và miêu duệ ông, cuộc giải phóng Israel khỏi ách nô lệ Ai cập (x. Xh 6, 6-7), và việc xây dựng Đền Thờ, nhờ đó Ngài luôn luôn hiện diện giữa dân (x. Xh 25,8; 29, 45-46).

## Bước thứ tư đòi hỏi cam kết của Israel là chu toàn các chỉ thị phượng tự và tuân giữ giới răn của Chúa. Trong sách Lêvi, Thiên Chúa tuyên bố: “Nếu các ngươi theo các quy tắc của Ta, tuân giữ các mệnh lệnh của Ta và đem ra thực hành, Ta sẽ đặt nơi ở của Ta giữa các ngươi, và sẽ không chán ghét các ngươi. Ta sẽ đi đi lại lại giữa các ngươi; Ta sẽ là Thiên Chúa của các ngươi, còn các ngươi sẽ là dân của Ta” (Lv 26, 3, 11-12).

**Còn tiếp**

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**HOÀN THIỆN NHÂN CÁCH – GIÁ TRỊ CỦA SỰ LẠC QUAN**

**TRI ÂN CHA ĐA MINH ĐINH VĂN VÃNG,**

**BÚT HIỆU LM. ĐAN VINH, HHTM (HIỆP HỘI THÁNH MẪU)**

****

**22/6/1947 – 14/6/2023**

**Loạt 120 bài “Học làm người và làm con cái Chúa”**

**của Lm Đan Vinh, HHTM**

**BÀI 68**

**HOÀN THIỆN NHÂN CÁCH – GIÁ TRỊ CỦA SỰ LẠC QUAN**



**1. LỜI CHÚA :**

"Lạy Chúa, con tin cậy vào tình thương Chúa. Được Ngài cứu độ, **lòng con sẽ vui mừng**. Con sẽ **hát bài ca dâng Chúa vì phúc lộc Ngài ban**" ( Tv 12, 6).

**2. CÂU CHUYỆN : LẠC QUAN CẢ KHI GẶP THỬ THÁCH.**

Một cô gái nhỏ đi bộ đến trường vào một hôm trời đang mưa to. Lúc về nhà xem ra thời tiết còn bị xấu hơn : gió bắt đầu rít mạnh cùng với sấm chớp ầm ầm. Trong lúc đó bà mẹ ở nhà lòng đầy lo lắng nên đã mặc áo mưa và che dù đến trường đón con. Bà rất ngạc nhiên khi nửa đường gặp con đang về nhà trong mưa. Bà mẹ thấy con mình cứ nhìn lên trời mỉm cười mỗi khi có tia chớp lóe sáng lên. Khi được hỏi tại sao lại mỉm cười khi thấy chớp sáng, cô bé hồn nhiên trả lời : **“Vì con muốn cho mặt mình được xinh đẹp hơn, mỗi khi Thiên Chúa nháy chụp con bằng đèn “phát””.**

Câu chuyện cho chúng ta bài học về cách ứng xử trước các gian nan thử thách. Mỗi người chúng ta cần có **thái độ lạc quan để bình tĩnh và kiên trì đương đầu với các nghịch cảnh, và biến khó khăn thành cơ hội giúp thăng tiến**, như có người đã nói : ***“Người lạc quan nhìn thấy cơ hội trong từng khó khăn. Còn người bi quan lại thấy khó khăn trong từng cơ hội”.***

Dưới ánh nắng mặt trời, người nào, vật nào cũng tạo ra một bóng đen. Tấm gương nào cũng có mặt trái của nó. Người tốt, người xấu cũng đều đan xen với nhau trong xã hội. Điều quan trọng là phải **hành xử khôn ngoan để đạt kết quả tốt đẹp.**

**3. SUY NIỆM :**

1) Có hai loại người trong xã hội: **bi quan và lạc quan.** Người bi quan nhìn cuộc đời *qua kính đen, nên chỉ nhìn thấy người xấu việc xấu*. Người lạc quan nhìn cuộc đời bằng *mắt kính màu hồng, luôn nhìn thấy người đẹp* *việc tốt* trong cuộc sống.

- **Lạc quan là luôn suy nghĩ tích cực :** Luôn nhìn nhận và đánh giá sự vật, hiện tượng ở phương diện tốt đẹp. Người lạc quan sẽ *tin tưởng* vào những điều mình đang làm hay sắp làm, luôn *mỉm cười* trong mọi hoàn cảnh, làm việc với một *tinh thần thoải mái, hân hoan, hạnh phúc*. Một triết gia đã nói : Hãy luôn quay mặt nhìn về phía mặt trời, bạn sẽ không còn thấy bóng đen phía sau lưng.

**- Lạc quan là một phẩm chất vô cùng cần thiết trong cuộc sống** : Lạc quan giúp chúng ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách để đạt tới thành công. Sống lạc quan giúp ta *mạnh mẽ,* *hướng tới tương lai tươi sáng* cho dù thực tại có u ám đến đâu đi nữa. Có tinh thần lạc quan, *cuộc sống của chúng ta sẽ trở nên tốt đẹp hơn, luôn tràn ngập niềm vui và hạnh phúc.*

**- Lạc quan còn mang đến hạnh phúc cho cả những người chung quanh ta:** Vì tình cảm vốn luôn lan truyền từ người này sang người khác. Khi ta hân hoan, vui vẻ thì những người chung quanh chúng ta cũng mừng vui hạnh phúc.

**- Lạc quan cũng giúp chúng ta trở nên đẹp hơn trong mắt người xung quanh** : Chính sự lạc quan đã giúp ta mở rộng cánh cửa tâm hồn đón nhận mọi người. Thái độ lạc quan dễ đưa người ta xích lại gần nhau hơn. Người có tinh thần lạc quan bao giờ cũng có những phẩm chất tốt đẹp kèm theo như : tự tin, dũng cảm, kiên trì …

**- Người có tinh thần lạc quan luôn có nét mặt vui tươi :**Tâm hồn họ lúc nào cũng phong phú rộng mở. Họ luôn tìm thấy trong các việc hàng ngày những lý do để *vui sống, để sống có ý nghĩa và có ích*. Họ có cách nhìn người bằng cặp mắt *bao dung* và luôn *thấy những điều tốt đẹp trong tha nhân và trong cuộc sống.*

**4. SINH HOẠT :**

Bạn nên nhìn các sự kiện xảy ra trong cuộc đời bạn bằng cặp mắt lạc quan hay bi quan ? Tại sao ?

**5. LỜI CẦU :**

Lạy Chúa Giê-su. Xin giúp chúng con luôn *có cái nhìn lạc quan khi gặp bất cứ hoàn cảnh nào, để chúng con bình tĩnh suy nghĩ và tìm ra giải pháp để giải quyết vấn đề cách tốt nhất*. Xin cho chúng con luôn *làm mọi việc với hết khả năng và phó thác thành quả trong tay Chúa quan phòng*, noi gương Chúa trong cuộc khổ nạn đã cầu xin với Chúa Cha : **“Lạy Cha, con xin phó thác hồn con trong tay Cha”** (Lc 23,46).- AMEN.

**LM ĐAN VINH – HHTM**

**BÀI ĐỌC THÊM**

TẬP CƯỜI MỘT MÌNH :

Một thiền sư đã hỏi tôi là học trò của thầy :

- Trò thường làm gì đầu tiên sau khi thức dậy ?

- Dạ vào phòng tắm.- Tôi trả lời.

- Thầy hỏi tiếp : Trong phòng tắm có gương soi không?

- Dạ có.

- Tốt. Vậy từ nay, mỗi sáng thức dậy, trước khi đánh răng, trò hãy nhìn vào tấm gương soi và hãy nở một nụ cười thật tươi với chính mình.

- Thưa thầy. Buổi tối em thường đi ngủ rất khuya, nên sáng thức dậy em luôn cảm thấy uể oải, nên chắc em sẽ không dám nhìn vào mặt mình trong gương để mỉm cười được.

Thầy cười, rồi nhìn vào mắt tôi và nói :

- Nếu em không cười được tự nhiên thì hãy đưa hai ngón tay trỏ thọc vào miệng qua hai khóe môi, và kéo căng ra như thế này.

Vừa nói thầy vừa biểu diễn cho tôi xem.

Dáng vẻ của thầy lúc đó trông rất tức cười khiến tôi bật cười. Thầy lệnh cho tôi phải làm theo và tôi quyết tâm sẽ làm theo lời thầy dạy.

Sáng hôm sau, tôi bước xuống khỏi giường và lảo đảo đi vào phòng tắm. Tôi nhìn tôi trong tấm gương. “Ừ !” Trông cũng không được đẹp lắm. Tôi không thể nở nụ cười tự nhiên được nên tôi đã đưa hai ngón trỏ vào trong hai khóe môi rồi kéo căng ra. Tôi nhìn thấy một khuôn mặt ngốc nghếch đang làm một trò điên khùng và tôi đã không nhịn được cười. Khi có một nụ cười tự nhiên rồi, tôi lại thấy một người trong gương đang mỉm cười với tôi, và tôi đã cười đáp lại.

Sau đó cứ mỗi buổi sáng dù tâm trạng thế nào chăng nữa, tôi cũng đều mỉm cười với mình trong gương, thường thường bằng cách dùng hai ngón tay. Những người xung quanh nói dạo này tôi hay cười. Có lẽ những cơ bắp trên khuôn mặt tôi đã quen dần với tư thế ấy rồi.

- Mỗi người chúng ta ai cũng có thể tập cười với hai ngón tay trỏ bất cứ lúc nào trong ngày. Nó đặc biệt có hiệu quả khi chúng ta cảm thấy chán ngán, nản chí, hay phiền muộn. Người ta đã chứng minh rằng tiếng cười làm tiết ra chất endorphin vào trong máu của chúng ta, mà chất này lại làm tăng cường hệ miễn dịch và làm cho chúng ta cảm thấy hạnh phúc. Nó giúp chúng ta nhìn thấy 998 viên gạch tốt trong bức tường của chúng ta, chứ không phải chỉ nhìn thấy hai viên gạch xấu. Và nụ cười làm cho nét mặt của chúng ta thêm rạng rỡ tươi đẹp hơn.

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**CHUYỆN VỀ “CHỨNG TỪ ĐỨC TIN CỦA MỘT NHÀ KHOA HỌC”…**

**Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp**

[](javascript:showpopup('file=article/1740890148.jpg'))*Trích từ Bài nói chuyện của**Đức**Giám mục Phêrô Nguyễn Văn Khảm ngày 16/07/2024…*

*Hãy hình dung một nhà khoa học đang rao giảng Tin Mừng trên diễn đàn quốc tế! Vẫn có những nhà khoa học như thế và bản thân họ là bằng chứng thuyết phục về sự hài hòa giữa khoa học và đức tin tôn giáo...*

*Tiến sĩ Francis Collins là Giám đốc Viện Sức Khỏe Quốc Gia Hoa Kỳ (NIH) từ năm 2012-2022, người đứng đầu Dự án bản đồ gen người (Human Genome Project) và đưa dự án này đến thành công. Ông cũng là tác giả quyển sách nổi tiếng The Language of God (Ngôn ngữ của Chúa). Năm 2013, ông được trao giải thưởng Templeton danh giá. Trong bài phát biểu khi nhận giải, ông đã kể lại hành trình đức tin của mình, và niềm xác tín về sự hài hòa giữa đức tin và khoa học.*

*Francis Collins lớn lên trong một xã hội không mấy quan tâm đến tôn giáo: “Tại Hoa Kỳ, gần 6/10 người trưởng thành nói rằng khoa học và tôn giáo thường xuyên xung đột. Chắc chắn đó cũng là quan điểm của tôi khi lớn lên ở Virginia, không có nhiều kinh nghiệm thiêng liêng nhưng rất say mê phương pháp khoa học. Đối với tôi, xem ra đức tin là phản đề của tiếp cận thuần lý khoa học mà tôi muốn theo đuổi, và vì thế, không cần phải suy nghĩ nhiều, tôi sa vào chủ trương bất khả tri và cuối cùng là vô thần”.*

***Cơ may nào khiến ông tìm đến niềm tin tôn giáo?****“Rồi tôi chuyển từ ngành cơ học lượng tử sang trường y, và ở đó không thể không biết đến câu hỏi về ý nghĩa đời sống và thực tại của sự chết. Khoa học không giúp gì được nhiều cho tôi trong lĩnh vực này. Chung quanh tôi là các bệnh nhân, và một vài giáo sư của tôi nữa – với những người này, đức tin cung cấp cho họ một cách thế để đương đầu với những câu hỏi sâu xa về cuộc đời. Thật khó hiểu! Một trong các bệnh nhân chất vấn tôi xem tôi tin như thế nào về Thiên Chúa, và tôi nhận ra chủ trương vô thần của mình thật mong manh. Tôi bắt đầu hành trình cố gắng tìm hiểu xem tại sao những người rất giỏi về mặt trí thức lại vẫn có thể tin vào Thiên Chúa – và thật ngỡ ngàng là tôi lại khám phá ra rằng chủ trương vô thần hóa ra lại là chọn lựa yếu ớt nhất trong các chọn lựa”…*

***Rồi Francis Collins kiên trì tìm kiếm câu trả lời:****“Suốt hơn hai năm, với sự giúp đỡ của người hướng dẫn và những tác phẩm của C.S. Lewis, tôi dần dần đi tới kết luận là niềm tin vào Thiên Chúa, dù không thể chứng minh, nhưng là chọn lựa thích hợp nhất của lý trí. Hơn nữa, tôi thấy trong chính khoa học mà tôi rất yêu mến vẫn thiếu một điều gì đó – đó là bằng chứng về Đấng Tạo Hóa: có điều gì đó thay vì hư vô; vũ trụ này có một khởi đầu; nó vận hành theo những định luật toán học tuyệt vời…Thiên Chúa phải là nhà vật lý và toán học tuyệt hảo!”*

*Không chỉ dừng lại ở đó, ông còn đi xa hơn nữa: “Nhưng Thiên Chúa có quan tâm đến tôi chăng? Các tôn giáo lớn trên thế giới trả lời là có, nhưng tại sao tôi nên tin tưởng như thế? Và rồi tôi gặp một người không những tuyên bố rằng Ngài có những câu trả lời, Ngài biết Thiên Chúa, nhưng Ngài còn là Thiên Chúa. Đó là Đức Giêsu Kitô. Tôi đã từng nghĩ Ngài chỉ là chuyện thần thoại, nhưng có những bằng chứng lịch sử hết sức thuyết phục về sự hiện hữu thật sự của Ngài: đời sống, sự chết và đương nhiên cả sự phục sinh. Và khi sự thật của Tân Ước thấm nhuần, tôi nhận ra là tôi được gọi đi đến một quyết định. Năm 27 tuổi, không thể cưỡng lại được nữa, tôi trở thành Kitô hữu”.*

*Trở thành Kitô hữu, Francis Collins làm chứng cho sự hài hòa giữa đức tin và khoa học: “Khi nghe tôi tâm sự về niềm tin mới mẻ của mình, các bạn bè tiên báo rằng sẽ chỉ được thời gian ngắn thôi. Bởi lẽ lúc đó tôi là một bác sĩ quan tâm đến di truyền học. Di truyền học có nghĩa là DNA, và DNA tức là tiến hóa. Khi đó tôi xác tín rằng tiến hóa không chỉ là một lý thuyết, nhưng là điều được nhiều bằng chứng nâng đỡ, làm cho nó có sức hút như trọng lực. Họ cho rằng chắc chắn đầu tôi sẽ nổ tung khi những xung đột xuất hiện. Thế nhưng điều đó đã không bao giờ xảy ra. Đây là một trong những bi kịch của 150 năm qua, khi người ta đọc những chương đầu của sách Sáng Thế theo mặt chữ, và coi đó như bản kiểm tra về đức tin Kitô nghiêm túc. Cách đây 1600 năm, thánh Augustino đã cảnh báo về lối giải thích như thế. Những lời thần bí và uy lực trong sách Sáng Thế về Tạo Dựng nói cho chúng ta biết ta là ai và Thiên Chúa là ai, chứ không bao giờ có ý trở thành sách giáo khoa về khoa học”.*

*Hơn thế nữa, “Thấy được nỗi đau mà sự xung đột giữa đức tin và khoa học gây ra, tôi quyết định viết về điều đó trong quyển The Language of God (Ngôn ngữ của Chúa). Tôi ngạc nhiên khi thấy quyển sách đã ảnh hưởng đến nhiều người đang tìm kiếm. Nhận ra nhu cầu phải có nơi gặp gỡ để đối thoại cách nghiêm túc về những vấn đề này, tôi và vợ tôi đã thành lập Biologos như diễn đàn gặp gỡ và trao đổi về đức tin và khoa học*[*www.biologos.org*](http://www.biologos.org/)*.*

*Trong phần cuối bài phát biểu, Francis Collins đưa ra những lời kêu gọi tha thiết về việc vun đắp những giá trị thiêng liêng làm nền cho cuộc sống hài hòa trong một thế giới quá nhiều xung đột và mâu thuẫn như ngày nay.*

*“Chúng ta cần quan tâm tới sự trống rỗng về thiêng liêng đang gia tăng, khiến nhiều người trong chúng ta sống vật vờ, tạm bợ, vô định. Agnes Deaton và Ann Case viết về việc sự trống rỗng này góp phần thế nào vào việc làm gia tăng những cái chết vì ma túy quá liều và những chuyện khác – “cái chết của tuyệt vọng”. Nhưng còn có nhiều hậu quả khác do tình trạng nghèo đói thiêng liêng này. Chúng ta cần phải cắm neo lại vào những sự thật thiêng liêng cung cấp cho ta nền đá trên đó ta xây dựng tương lai. Hãy quay lại với Tám Mối Phúc trong Bài Giảng Trên Núi để thấy đâu là phúc lành dành cho lối sống Thiên Chúa dự định cho chúng ta: “Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó, vì Nước Trời là của họ. Phúc thay ai có tâm hồn trong sạch, vì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa. Phúc thay ai xây dựng hòa bình, vì họ sẽ được gọi là con Thiên Chúa. Phúc thay ai bị bách hại vì lẽ công chính, vì Nước Trời là của họ” (Mt 5,1-12).*

*“Điều quan trọng nhất là chúng ta cần phải trở lại với tiếng gọi hãy yêu thương nhau. Không chỉ yêu thương những người đồng ý với chúng ta, nhưng cả thù địch của mình. Tình yêu mạnh hơn hận thù. Bạn không thể thường xuyên cầu nguyện cho một người và tiếp tục khinh ghét họ. Một trong những câu Kinh Thánh tôi yêu thích nhất là những lời trong thư Colosse 3,12-14: “Anh em là những người được Thiên Chúa tuyển chọn, hiến thánh và yêu thương. Vì thế, anh em hãy có lòng thương cảm, nhân hậu, khiêm nhu, hiền hòa và nhẫn nại… Trên hết mọi đức tính, anh em phải có lòng bác ái, đó là mối dây liên kết tuyệt hảo”.*

*Hãy hình dung một nhà khoa học đang rao giảng Tin Mừng trên diễn đàn quốc tế! Vẫn có những nhà khoa học như thế và bản thân họ là bằng chứng thuyết phục về sự hài hòa giữa khoa học và đức tin tôn giáo.*

Người viết tình cờ kiếm được bài nói chuyện này của ĐGM Phêrô Nguyễn Văn Khảm, Gíám mục Giáo Phận Mỹ Tho…và tự thấy có bổn phận nhắc lại thêm một lần nữa…để tận hưởng trải nghiệm đức tin từ một trí thức tầm cỡ quốc tế…như một chứng từ cho chính mình và cho tất cả những người tin…

Thứ tư tới đây – ngày 5/3/2025 – Giáo Hội và con cái mình vào Mùa Chay Mới – Mùa Chay của Năm Thánh “ ***Những Người Hành Hương Của Hy Vọng***”, chúng ta – mỗi Kitô hữu – sẽ khiêm tốn cúi đầu nhận nhúm tro hối cải, không phải cho một năm, nhưng là cho từng ngày : từng ngày ngồi lại, từng ngày xét mình, từng ngày nhận ra sự thiếu thốn niềm vui Tin Mừng nơi con người, nơi những công việc, nơi những tiếp cận…làm cho hình ảnh của Chúa nơi bản thân bị mờ nhạt…

***“Lạy Chúa, chúng con cầu xin Chúa***

***ban phúc lành dư đầy của Chúa trên Dân Chúa đây,***

***để đức cậy của họ vẫn được tăng trưởng***

***cả trong cơn gian nan ;***

***sức mạnh của họ được kiên vững trong khi bị cám dỗ***

***và được cứu chuộc muôn đời”. Amen…***

***Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp***

**[VỀ MỤC LỤC](#MucLuc)**

**MỘT GÓC NHÌN VỀ NGÔN NGỮ CẦU NGUYỆN TRONG CÔNG GIÁO**

**Mai Văn Phấn**

*"Nếu anh em nhân danh Thầy mà xin Thầy điều gì, chính Thầy sẽ làm"*

(Phúc Âm theo Thánh Gioan 14:14)

Cầu nguyện là hơi thở đời sống đức tin, giúp con người hướng về Thiên Chúa, bày tỏ tình yêu, lòng tín thác và niềm hy vọng. Trong truyền thống Công giáo, đó là phương tiện đối thoại thiêng liêng, phản ánh tâm tình tín hữu qua lời kinh, bài thánh ca hay những nguyện ước thầm lặng. Lời cầu nguyện vừa bày tỏ lòng thành kính, tạ ơn và khẩn xin, vừa kết nối cá nhân với cộng đoàn, truyền thống với hiện tại, trần thế với thánh linh. Theo dòng thời gian, ngôn ngữ cầu nguyện trong Giáo Hội không ngừng canh tân, từ những bản văn Kinh Thánh bằng tiếng Do Thái, Hy Lạp, Latinh đến các bản dịch đa dạng bằng ngôn ngữ bản địa, phản ánh sự phù hợp và lan tỏa của đức tin trong các nền văn hóa.

Ngôn ngữ cầu nguyện trong Công giáo gắn liền với lịch sử Giáo hội, phản ánh đời sống đức tin và hành trình tâm linh qua các thời đại. Trong bài viết này, tôi không có tham vọng khảo sát toàn bộ quá trình hình thành và phát triển của ngôn ngữ cầu nguyện, chỉ tập trung vào những đặc điểm cơ bản, sự canh tân và chuyển mình của ngôn ngữ này trong bối cảnh tiếng Việt hôm nay. Đồng thời, bài viết cũng xem xét ngôn ngữ cầu nguyện từ góc độ ngữ học, phân tích ảnh hưởng của các ngôn ngữ khác trong quá trình hình thành thuật ngữ tôn giáo và những chuyển dịch theo thời gian.

Kinh nguyện Công giáo là nội dung thiêng liêng, diễn đạt tâm tình thờ phượng, tạ ơn, sám hối và cầu xin của tín hữu, còn ngôn ngữ cầu nguyện là phương tiện chuyên chở đức tin, giúp con người thưa gửi, chiêm niệm và cảm nghiệm sự hiện diện của Thiên Chúa. Qua dòng lịch sử, ngôn ngữ này không ngừng chuyển biến, thích nghi với ngôn ngữ bản địa, tư duy thần học và bối cảnh văn hóa. Sự đổi thay ấy làm kinh nguyện trở nên gần gũi hơn với tín hữu, góp phần gìn giữ bản sắc thiêng liêng của đức tin Công giáo qua mọi thời đại.

**I. Bối cảnh tiếng việt khi Tin Mừng đến Việt Nam**

Vào thế kỷ XVI - XVII, khi Tin Mừng đến Việt Nam, chữ Hán và chữ Nôm là hai hệ thống văn tự chính yếu. Chữ Hán quan trọng trong hành chính, giáo dục và văn chương bác học, trong khi chữ Nôm ghi âm tiếng Việt, thể hiện đặc trưng ngữ pháp, từ ngữ dân tộc, chủ yếu dùng trong văn học dân gian, thơ ca và văn hóa truyền thống. Tiếng Việt thời kỳ này chịu ảnh hưởng sâu sắc từ văn hóa Trung Hoa, đặc biệt về từ vựng, diễn đạt và tư duy triết học. Nhiều khái niệm về đạo đức, tôn giáo, chính trị được truyền tải qua thuật ngữ gốc Hán.

Trong bối cảnh đó, các giáo sĩ Dòng Tên, tiêu biểu như Francisco de Pina (1585–1625), Gaspar do Amaral (1594–1646), António de Barbosa (1594–1647), Alexandre de Rhodes (1591–1660), Pierre Pigneau de Behaine (1741–1799) và Jean-Louis Taberd (1794–1840), đã ghi lại tiếng Việt bằng chữ Latinh, đặt nền móng cho sự hình thành chữ Quốc ngữ. Đây là bước ngoặt quan trọng trong hệ thống chữ viết và quá trình truyền bá Công giáo tại Việt Nam. Chữ Quốc ngữ giúp việc ghi chép và phổ biến kinh sách trở nên thuận lợi, cho phép người dân tiếp cận giáo lý trực tiếp mà không cần qua chữ Hán hay chữ Nôm.

Những bản kinh nguyện Công giáo đầu tiên bằng tiếng Việt chịu ảnh hưởng từ tiếng Latinh và tiếng Bồ Đào Nha, thể hiện qua cách phiên âm thuật ngữ, lối hành văn và cấu trúc cú pháp dịch sát nguyên bản. Tuy nhiên, để phù hợp với văn hóa và tâm lý người Việt, các bản dịch này dần được điều chỉnh, tạo nên hệ thống ngôn ngữ cầu nguyện đặc trưng của Công giáo Việt Nam, hòa nhập với đời sống tín hữu.

Không chỉ ảnh hưởng đến thuật ngữ, tiếng Latinh và tiếng Bồ Đào Nha còn định hình cách dịch kinh nguyện. Vì muốn bảo tồn ý nghĩa nguyên bản của Kinh Thánh, các giáo sĩ thời kỳ đầu đã sử dụng lối dịch sát nghĩa, dẫn đến nhiều cụm từ lạ lẫm với tiếng Việt. Dù vậy, cách dịch này đã đặt nền móng cho hệ thống thuật ngữ thần học và phụng vụ Công giáo Việt Nam. Xin lấy ví dụ từ lời ngắm thứ 4 trong *"Ngắm 15 sự thương khó Đức Chúa Giê-su****[[1]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_edn1)****"*có câu: *"Đêm ấy quân dữ bắt trói cánh tay Đức Chúa Giêsu vào cột đá, mà lấy khăn che mặt, đoạn mới nhổ cùng giật tóc và râu Đức Chúa Giêsu, lại lấy roi cùng bên dưới giầy đi, đánh ngang mặt, lại vả thâu đêm bốn trăm lần."* Cụm từ *"cùng bên dưới giầy đi"* cho thấy lối dịch sát nghĩa từ nguyên bản, có thể xuất phát từ tiếng Latinh hoặc Bồ Đào Nha – hai ngôn ngữ chính của các bản văn Công giáo thời kỳ tiền khởi. Đây là dấu ấn của tiếng Việt trung đại với cấu trúc cú pháp khác biệt so với tiếng Việt hiện nay. Nếu diễn đạt tự nhiên hơn, cụm này có thể hiểu là *"vừa đánh bằng roi, vừa giày đạp"*, mô tả sự hành hạ mà Chúa Giêsu phải chịu. Tương tự, nhiều bản kinh nguyện Công giáo thời kỳ đầu cũng sử dụng các cách diễn đạt như *"sự sáng vô cùng"* được hiểu là *"ánh sáng vĩnh cửu"*, hay *"chúng tôi lỗi cùng Đức Chúa Trời"* thay vì *"chúng tôi có tội với Đức Chúa Trời"*. Cách dịch trực tiếp này giúp giữ được mạch ý nguyên bản nhưng đôi khi tạo ra những cụm từ khó hiểu với người đọc.

**Quá trình chuyển dịch Kinh Thánh và kinh nguyện sang tiếng Việt đóng vai trò quan trọng, giúp người dân tiếp cận trực tiếp với đức tin Công giáo. Thay vì chỉ sử dụng các văn bản Latinh hoặc Hán-Nôm, các tín hữu có thể đọc và hiểu lời kinh bằng chính ngôn ngữ của mình, tạo gắn bó mật thiết với đời sống tâm linh.** Dù vậy, do ảnh hưởng từ chữ Hán, nhiều thuật ngữ thần học và tôn giáo trong Công giáo vẫn mang dấu ấn của hệ thống ngữ văn này. Những khái niệm quan trọng như *"Thiên Chúa", "ơn cứu độ", "hiển vinh", "hiệp nhất", "công chính"*, *"tín lý"...* đều có gốc Hán-Việt, giúp ngôn ngữ cầu nguyện trở nên trang trọng, quen thuộc với người Việt, đồng thời tạo ra sự giao thoa giữa tư tưởng Kitô giáo và triết học Á Đông. Sự du nhập và thích nghi của ngôn ngữ cầu nguyện luôn củng cố đời sống đức tin của các tín hữu, góp phần đặt nền móng cho sự phát triển của chữ Quốc ngữ.

**II. Đặc điểm ngôn ngữ cầu nguyện**

Ngôn ngữ cầu nguyện trong Công giáo mang đậm dấu ấn lịch sử, văn hóa và thần học. Qua các thế kỷ, ngôn ngữ này phát triển với những đặc điểm riêng, giữ sự trang nghiêm, tính biểu tượng và ảnh hưởng của Kinh Thánh và tiếng Latinh. Ngôn ngữ cầu nguyện thể hiện lòng tôn kính đối với Thiên Chúa và các thánh qua việc sử dụng từ ngữ cổ kính, trang trọng trong các kinh nguyện truyền thống như *"Kinh Lạy Cha****[[2]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_edn2)****", "Kinh Kính Mừng****[[3]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_edn3)****", "Kinh Tin Kính****[[4]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_edn4)****" và "Kinh Sáng Danh****[[5]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_edn5)****".* Cấu trúc ngữ pháp chặt chẽ, kết hợp với nhịp điệu chậm rãi và lặp lại, giúp tín hữu dễ dàng ghi nhớ và chìm sâu vào suy niệm. Những từ như *"cả sáng", "hiển trị", "trị đến", "tôn nhan"...* mang sắc thái tôn kính, tạo bầu khí linh thiêng, giúp người cầu nguyện cảm nhận sự hiện diện của Thiên Chúa. *(Người viết bài này sẽ ghi chú về lịch sử và ý nghĩa một số kinh, nhằm giúp bạn đọc không phải tín hữu dễ dàng tiếp cận)*.

Ngôn ngữ cầu nguyện Công giáo rất giàu hình ảnh ẩn dụ và biểu tượng, nhằm diễn đạt chân lý thần học và làm cho lời kinh thêm phong phú, dễ cảm nhận. Thiên Chúa thường được ví như *"Cha"*, Chúa Kitô là *"Mục tử"*, còn các tín hữu là *"chiên"*, thể hiện mối quan hệ yêu thương, chở che giữa Thiên Chúa và con người. Bên cạnh đó, nhiều biểu tượng xuất hiện trong kinh nguyện mang ý nghĩa thiêng liêng: ánh sáng tượng trưng cho chân lý và sự hiện diện của Thiên Chúa, nước gắn liền với phép rửa và sự thanh tẩy, bánh và rượu là dấu chỉ của Bí tích Thánh Thể, Thập Giá biểu trưng cho sự hy sinh và ơn cứu độ. Nhiều kinh nguyện Công giáo chứa đựng các hình ảnh ẩn dụ, như *"Kinh Hãy Nhớ****[[6]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_edn6)****"* thể hiện sự che chở của Đức Mẹ, *"Kinh Hòa Bình của Thánh Phanxicô****[[7]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_edn7)****"* sử dụng hình tượng hòa bình và tha thứ để diễn tả tinh thần Kitô giáo, hay *"Kinh Dâng Mình Cho Trái Tim Chúa Giêsu****[[8]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_edn8)****"* lấy trái tim Chúa làm biểu trưng cho tình yêu và lòng thương xót. *"Kinh Cầu Đức Bà****[[9]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_edn9)****"*, *"Kinh Cầu Thánh Giuse****[[10]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_edn10)****"*, *"Kinh Cầu Các Thánh****[[11]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_edn11)****"* cũng sử dụng danh xưng tôn kính và lặp đi lặp lại để nhấn mạnh đặc ân của các Ngài, qua đó gợi lên sự tôn vinh và lòng tín thác của tín hữu.

Nhiều kinh nguyện Công giáo bắt nguồn từ Kinh Thánh và giữ lại những thuật ngữ truyền thống phụng vụ Latinh, tạo nên sự trang nghiêm và gắn kết với nền tảng đức tin lâu đời. Một số kinh phổ biến có nền tảng Kinh Thánh gồm:

*"Kinh Magnificat"* – bài ca ngợi khen của Đức Maria (Luca 1:46-55).

*"Kinh Benedictus"* – bài ca chúc tụng của ông Dacaria (Luca 1:68-79).

*"Kinh Nunc Dimittis"* – bài ca của ông Simêon (Luca 2:29-32).

*"Kinh Te Deum"* – bài ca tạ ơn nổi tiếng trong phụng vụ.

Ngoài ra, nhiều thuật ngữ Latinh vẫn được giữ nguyên trong ngôn ngữ cầu nguyện, thể hiện sự linh thiêng và kết nối với truyền thống phụng vụ toàn cầu:

*"Amen"* – khẳng định niềm tin.

*"Alleluia"* – ca tụng Chúa.

*"Sanctus"*– Thánh! Thánh! Thánh!

*"Agnus Dei"* – Lạy Chiên Thiên Chúa.

*"Gloria in Excelsis Deo"* – Vinh danh Thiên Chúa trên trời.

Những ảnh hưởng này giúp duy trì tính thống nhất của phụng vụ Công giáo trên thế giới, làm cho ngôn ngữ cầu nguyện mang tính linh thánh, tạo nên một dòng chảy tiếp nối giữa quá khứ và hiện tại trong đời sống đức tin.

Ngôn ngữ cầu nguyện Công giáo phản ánh sự hòa quyện giữa tính cộng đồng và tính cá nhân, thể hiện qua lời kinh tập thể và những lời nguyện riêng tư của từng tín hữu.

Kinh nguyện tập thể: Được đọc trong Thánh lễ và các giờ kinh chung, giúp cộng đoàn hiệp nhất trong lời cầu nguyện:

*"Kinh Nguyện Thánh Thể"* – lời cầu nguyện trung tâm trong Thánh lễ.

*"Kinh Cầu Đức Mẹ La Vang"* – lời khẩn cầu phổ biến trong cộng đồng Công giáo Việt Nam.

*"Kinh Cầu Ông Thánh Giuse"* – thể hiện lòng sùng kính Thánh Giuse.

*"Kinh Năm Thánh 2025"* - lời nguyện do Đức Giáo hoàng Phanxicô soạn nhân dịp Năm Thánh 2025, nhằm khơi dậy trong tín hữu niềm hy vọng và khao khát hướng về Nước Trời. Bản dịch tiếng Việt được Linh mục Giuse Lê Công Đức, PSS thực hiện và đã được Đức cha Emmanuel Nguyễn Hồng Sơn phê chuẩn.

Ngoài các kinh chung của Giáo hội hoàn vũ, Giáo hội địa phương cũng đặt ra một số kinh phù hợp với bối cảnh văn hóa, truyền thống và nhu cầu mục vụ của giáo phận. Chẳng hạn, tại Giáo phận Xuân Lộc, giáo dân thường đọc *"Kinh cầu Đức Mẹ Núi Cúi"* để bày tỏ lòng tôn kính Đức Maria, cầu xin ơn lành và dâng lời nguyện lên Mẹ trong các dịp hành hương đến Núi Cúi – trung tâm hành hương quan trọng của giáo phận. Những kinh nguyện này là phương tiện để củng cố đức tin cá nhân, giúp cộng đoàn gắn kết, cùng nhau hướng về Thiên Chúa qua sự chuyển cầu của Đức Mẹ và các thánh. Ngoài ra, Giáo hội địa phương biên soạn *"Sách Toàn Niên Kinh Nguyện"* nhằm tập hợp các kinh đọc trong suốt năm phụng vụ, phản ánh truyền thống và đặc thù văn hóa của từng vùng miền. Chẳng hạn, Giáo phận Hải Phòng đã phát hành *"Sách Toàn Niên Kinh Nguyện" vào các năm 2010 và 2022*, bao gồm các kinh đọc sáng tối ngày thường, lịch đọc các kinh cầu, các tháng kính và thứ tự các kinh đọc trong nhà thờ. Tương tự, Giáo phận Bùi Chu cũng có sách kinh riêng phục vụ nhu cầu cầu nguyện của giáo dân vào năm 1924 và 1956. Tổng Giáo phận Hà Nội đã xuất bản *"Sách Kinh Tổng Giáo Phận Hà Nội" vào khoảng 2010*, trong đó tập hợp các kinh nguyện quan trọng như: kinh sáng tối ngày thường và Chúa Nhật, các kinh cầu, ngắm các phép lần hạt, kinh dâng lễ, những kinh dọn mình chịu lễ và cám ơn, kinh ngắm Đàng Thánh Giá, cùng một số kinh khác. Việc biên soạn những sách kinh riêng vừa giúp tín hữu thực hành đức tin có hệ thống, vừa phản ánh đặc trưng ngôn ngữ và văn hóa địa phương, tạo sự gần gũi và dễ hiểu hơn cho giáo dân.

Kinh nguyện cá nhân: Được đọc trong đời sống đạo riêng tư, giúp mỗi tín hữu gắn bó mật thiết với Thiên Chúa:

*"Kinh Ăn Năn Tội"* – bày tỏ lòng sám hối.

*"Kinh Cám Ơn"* và*"Kinh Trước Khi Ăn"* – thể hiện lòng tri ân Thiên Chúa.

*"Kinh Dâng Đêm"* – cầu xin sự bình an trước khi nghỉ ngơi.

Sự phong phú của hệ thống kinh nguyện, kết hợp với tính trang trọng, giàu ẩn dụ và ảnh hưởng Kinh Thánh, làm cho ngôn ngữ cầu nguyện Công giáo trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống đức tin, giúp mỗi tín hữu vừa hòa mình vào cộng đoàn, vừa có không gian để chiêm niệm và gặp gỡ Thiên Chúa.

Các kinh nguyện trong Công giáo đều hướng đến mục đích giáo dục đức tin, bồi dưỡng đời sống luân lý và giúp tín hữu kết hiệp với Thiên Chúa. Dù mang nội dung tạ ơn, khẩn cầu hay chúc tụng, các kinh nguyện đều giúp người tín hữu nuôi dưỡng tâm linh và sống đức tin một cách cụ thể trong đời sống hằng ngày. Những kinh nguyện này thường tuân theo một khuôn mẫu chung, bao gồm phần xưng tụng, lời cầu xin hoặc tạ ơn, và sự phó thác. Những khuôn mẫu này tiếp tục được lưu truyền qua các thế hệ, duy trì sự thống nhất trong đời sống cầu nguyện, đồng thời phản ánh truyền thống phụng vụ của Giáo hội. Nghiên cứu *ngôn ngữ cầu nguyện* không chỉ dừng lại ở phân tích ngữ học mà còn bao hàm cả nội dung thần học và tâm tình cầu nguyện được diễn đạt qua ngôn ngữ. Dù được thể hiện qua kinh đọc, thánh ca hay thánh thi, mọi hình thức cầu nguyện đều giúp con người gắn kết với Thiên Chúa, mở rộng tâm hồn đón nhận ân sủng, tình yêu thương vô biên của Ngài.

**III. Ngôn ngữ cầu nguyện qua các thời kỳ**

Ngôn ngữ cầu nguyện trong Công giáo đã trải qua nhiều giai đoạn canh tân trong lịch sử, chịu ảnh hưởng từ sự phát triển của ngôn ngữ, văn hóa, tư tưởng thần học, và những định hướng quan trọng của Giáo hội.

1. Thời kỳ Kinh Thánh và Giáo hội sơ khai

Trong giai đoạn đầu của Kitô giáo, ngôn ngữ cầu nguyện chịu ảnh hưởng từ Do Thái giáo và các cộng đồng tín hữu sơ khai.

Tiếng Do Thái: Được sử dụng trong Thánh Vịnh và các kinh nguyện Do Thái truyền thống. Nhiều lời cầu nguyện trong Cựu Ước mang tính thi ca, giàu biểu tượng, và sử dụng thể văn song hành.

Tiếng Aram: Là ngôn ngữ nói phổ biến vào thời Chúa Giêsu. Một số lời cầu nguyện của Ngài vẫn còn được ghi lại bằng tiếng Aram trong Tân Ước, chẳng hạn: *"Abba, Cha ơi!"* (Mc 14:36) – cách xưng hô thân mật với Thiên Chúa. *"Eli, Eli, lama sabachthani?"* (Mt 27:46) – *"Lạy Chúa, lạy Chúa, sao Chúa bỏ con?"*

Tiếng Hy Lạp: Sau khi Kitô giáo lan rộng trong thế giới Địa Trung Hải, tiếng Hy Lạp trở thành ngôn ngữ chính trong phụng vụ và cầu nguyện. Các tác phẩm của Thánh Phaolô, *"Kinh Tin Kính"* đầu tiên đều được viết bằng tiếng Hy Lạp. Trong thời kỳ này, ngôn ngữ cầu nguyện mang đậm ảnh hưởng của Thánh Vịnh, với những lời ca tụng Thiên Chúa được viết bằng ngôn ngữ thi ca. Một số lời cầu nguyện như *"Kinh Magnificat"* (Luca 1:46-55), *"Kinh Benedictus"* (Luca 1:68-79), *"Kinh Nunc Dimittis"* (Luca 2:29-32) đã xuất hiện và tiếp tục được sử dụng trong phụng vụ Công giáo cho đến ngày nay.

2. Thời Trung Cổ và ảnh hưởng của tiếng Latinh

Từ thế kỷ IV, khi Kitô giáo trở thành tôn giáo chính thức của Đế quốc Rôma, tiếng Latinh dần thay thế tiếng Hy Lạp và trở thành ngôn ngữ chính trong phụng vụ và cầu nguyện. Giáo hội Rôma thiết lập tiếng Latinh làm ngôn ngữ chính thức đã dẫn đến việc chuẩn hóa trong đời sống đức tin, với nhiều bản kinh quan trọng được biên soạn hoặc dịch sang tiếng Latinh, như *"Kinh Lạy Cha"*, *"Kinh Kính Mừng"*, và *"Vinh Danh Thiên Chúa Trên Trời"*. Đặc điểm nổi bật của ngôn ngữ cầu nguyện thời kỳ này là tính nghi thức và sự ổn định, với các kinh nguyện và nghi lễ có cấu trúc cố định, được Giáo hội bảo tồn nhằm duy trì sự thống nhất trong toàn thể cộng đồng Kitô giáo.

Ngoài ra, nhiều kinh cầu mang tính lặp lại, nhấn mạnh lòng tôn kính và sự suy niệm, chẳng hạn như *"Kinh Cầu Đức Bà"*, *"Kinh Cầu Các Thánh"*, và *"Kinh Lạy Nữ Vương****[[12]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_edn12)****"*. Nhờ vào ảnh hưởng mạnh mẽ của Giáo hội Công giáo, tiếng Latinh trở thành ngôn ngữ chung trong đời sống phụng vụ suốt thời Trung Cổ và kéo dài qua nhiều thế kỷ. Tuy nhiên, đến thời kỳ Cận đại, đặc biệt sau Công đồng Vatican II, Giáo hội bắt đầu cho phép sử dụng ngôn ngữ bản địa trong phụng vụ, mở ra một giai đoạn mới trong sự phát triển của ngôn ngữ cầu nguyện.

3. Thời Cận đại và Công đồng Vatican II

Ngay khi Tin Mừng đến Việt Nam, các vị thừa sai đã vận dụng những hình thức diễn đạt quen thuộc của người bản địa để soạn kinh nguyện cho giáo dân. Nhằm giúp tín hữu dễ nhớ, dễ hiểu và dễ cảm nghiệm đức tin, các ngài đã sử dụng thể thơ lục bát, các thể ngắm, dâng hạt, dâng hoa cùng các hình thức diễn xướng dân gian. Trong đó, thể thơ lục bát, với vần điệu nhịp nhàng, dễ thuộc, được đưa vào nhiều kinh nguyện như *"Ngắm 15 Sự Thương Khó Đức Chúa Giêsu"*, ngắm đứng, ngắm ngồi. Các bài ngắm này có cấu trúc đối đáp, nhấn mạnh vào diễn cảm, giúp người đọc suy niệm sâu sắc về cuộc khổ nạn của Chúa. Ví dụ, trong ngắm đứng, tín hữu bắt đầu với những câu trang nghiêm nhưng mộc mạc như:

*"Con lạy Đức Chúa Giêsu*

*Là vua cực thánh thiên thu quyền hành*

*Ngày nay con ngắm năm canh*

*Nhớ khi Chúa chịu tan tành vì con"*

Ngoài thể ngắm, các kinh dâng hạt và dâng hoa mang đậm sắc thái dân ca vùng miền, thường được sử dụng trong các dịp lễ kính Đức Mẹ. Các bài kinh này kết hợp giữa đọc, hát và múa, tạo nên bầu khí trang nghiêm nhưng gần gũi, giúp tín hữu biểu lộ lòng tôn kính cách sống động. Chẳng hạn, trong Kinh Dâng Hoa, câu hát *"Lạy Mẹ là ngôi sao sáng/ "Dẫn con vượt sóng trần gian"*vừa mang hình ảnh biểu tượng vừa có giai điệu mềm mại, dễ đi vào lòng người.

Bên cạnh thể loại, giọng điệu của kinh nguyện cũng thay đổi tùy theo từng mùa phụng vụ. Khi lần chuỗi Mân Côi, giọng đọc mùa Vui thường nhẹ nhàng, thanh thoát, thể hiện niềm hân hoan khi suy ngắm về Ngôi Lời Nhập Thể. Ngược lại, mùa Thương có giọng đọc chậm rãi, trầm buồn, giúp tín hữu đồng cảm với nỗi đau khổ của Chúa Giêsu. Đến mùa Mừng, giọng đọc lại rộn ràng, phấn khởi, diễn tả niềm vui phục sinh và chiến thắng của Đức Kitô. Sự thay đổi này giúp tín hữu hòa mình vào tâm tình cầu nguyện, làm cho đời sống phụng vụ trở nên phong phú và sâu sắc hơn. Như vậy, ngôn ngữ cầu nguyện trong Công giáo Việt Nam vừa được thể hiện qua nội dung vừa qua thể loại, giọng điệu và hình thức diễn đạt. Từ thơ lục bát, các bài ngắm, kinh dâng hạt, dâng hoa cho đến cách lần chuỗi Mân Côi, tất cả đều phản ánh sự hội nhập giữa Tin Mừng và truyền thống văn hóa dân tộc. Những yếu tố này giúp tín hữu dễ dàng tiếp cận với lời kinh, đồng thời góp phần xây dựng đời sống đức tin sâu sắc, nối kết cộng đồng và gìn giữ bản sắc văn hóa Công giáo Việt Nam.

Công đồng Vatican II (1962-1965) đánh dấu một bước ngoặt lớn trong việc canh tân ngôn ngữ cầu nguyện của Giáo hội Công giáo. Trước đó, Thánh lễ và các kinh nguyện chủ yếu được cử hành bằng tiếng Latinh, duy trì tính truyền thống nhưng đôi khi gây khó khăn cho tín hữu trong việc hiểu và tham gia vào phụng vụ. Sau Công đồng, Giáo hội cho phép dịch các kinh nguyện sang ngôn ngữ bản địa, giúp cộng đoàn tín hữu dễ dàng hiểu và tích cực tham gia vào đời sống đức tin. Bên cạnh đó, xu hướng đơn giản hóa và hiện đại hóa kinh nguyện cũng xuất hiện, với nhiều lời kinh được dịch sang ngôn ngữ bản địa, giảm bớt tính trịnh trọng của tiếng Latinh cổ, đồng thời được biên soạn theo ngữ pháp hiện đại dễ tiếp nhận hơn. Sự canh tân này còn kéo theo việc xuất hiện các bản dịch mới của Kinh Thánh và kinh nguyện, giúp tín hữu tiếp cận Lời Chúa trực tiếp hơn. Nhờ vậy, ngôn ngữ cầu nguyện trong thời kỳ này trở nên phong phú, đa dạng và phản ánh sự hội nhập của Giáo hội với các nền văn hóa trên thế giới.

4. Thời đương đại: Sự canh tân của tiếng Việt và ảnh hưởng của các ngôn ngữ khác

Ngôn ngữ cầu nguyện trong Công giáo Việt Nam không ngừng canh tân theo phát triển của tiếng Việt và ảnh hưởng từ các ngôn ngữ khác. Trải qua thời gian, tiếng Việt ngày càng hiện đại, ngắn gọn và súc tích, dẫn đến một số canh tân trong cách diễn đạt các kinh nguyện. Một số từ ngữ cổ dần được thay thế bằng cách diễn đạt dễ hiểu hơn, chẳng hạn như *"cả sáng"* có thể được chuyển thành *"vinh hiển"*. Tuy nhiên, một số kinh nguyện truyền thống, như*"Kinh Lạy Cha"* hay *"Kinh Kính Mừng"*, vẫn giữ nguyên cấu trúc cổ để bảo tồn tính truyền thống và thiêng liêng.

Bên cạnh đó, ngôn ngữ cầu nguyện cũng chịu ảnh hưởng từ nhiều ngôn ngữ khác. Tiếng Pháp, do tác động của các vị thừa sai, đã để lại dấu ấn sâu sắc với nhiều thuật ngữ thần học và phụng vụ trong tiếng Việt, như "giám mục" (évêque), "bí tích" (sacrement), hay "thánh lễ" (messe). Trong thời kỳ gần đây, ảnh hưởng của tiếng Anh ngày càng rõ rệt qua các bản dịch Kinh Thánh và tài liệu thần học, góp phần hình thành những cách diễn đạt mới trong kinh nguyện. Sự canh tân của ngôn ngữ cầu nguyện phản ánh sự thích ứng của Giáo hội với bối cảnh văn hóa và lịch sử. Mặc dù có những điều chỉnh theo thời đại, nhưng tính trang trọng, thiêng liêng và sự kết nối với truyền thống vẫn luôn được duy trì trong đời sống đức tin của người Công giáo Việt Nam.

**IV. Ngôn ngữ cầu nguyện trong đời sống Kitô hữu**

Ngôn ngữ cầu nguyện là ân sủng giúp nuôi dưỡng đời sống tâm linh, thánh hóa văn hóa và góp phần định hình ngôn ngữ trong xã hội. Sức mạnh của ngôn ngữ cầu nguyện bộc lộ trong từng chiều kích của đời sống cá nhân và cộng đoàn tín hữu, thắp sáng niềm tin, soi đường dẫn lối và vun đắp mối hiệp thông thiêng liêng.

1. Trong đời sống thiêng liêng

Dẫn đưa tâm hồn đến với Thiên Chúa qua suy niệm và tĩnh tâm: Lời kinh nguyện là nhịp cầu thiêng liêng, nối kết tâm hồn tín hữu với Đấng-Tối-Cao. Khi cất lên lời nguyện, đọc các thánh vịnh hay suy niệm trước Thánh Thể, tâm hồn con người được lắng đọng trong sự hiện diện thánh thiện của Thiên Chúa. Những kinh nguyện truyền thống như *"Kinh Lạy Cha", "Kinh Kính Mừng", "Kinh Tin Kính"* luôn là ánh sáng soi đường cho đời sống đức tin, giúp tín hữu cảm nghiệm tình yêu và sự dẫn dắt của Chúa trong mọi hoàn cảnh.

Củng cố sự hiệp nhất trong Hội Thánh qua phụng vụ: Khi cộng đoàn tín hữu cùng cất lên lời kinh, hòa chung tiếng hát thánh ca trong phụng vụ, họ cầu nguyện cách riêng, đồng thời liên kết trong một thân thể duy nhất là Hội Thánh. Chính ngôn ngữ cầu nguyện nối kết các Kitô hữu với nhau và với toàn thể Dân Chúa, làm sống động mầu nhiệm hiệp thông trong Đức-Mến.

Khơi dậy lòng sùng kính và niềm tin vững vàng: Trong những lúc thử thách, đau khổ, ngôn ngữ cầu nguyện trở thành chốn nương náu cho tâm hồn tín hữu. Những lời kinh đã được hun đúc qua nhiều thế kỷ là di sản đức tin, là chứng tá của lòng trông cậy vào sự quan phòng của Thiên Chúa. Chính khi cất lời cầu nguyện, tín hữu cảm nhận được sự an ủi, nâng đỡ, và được khích lệ để tiếp tục trung thành bước theo Đấng Kitô. Như vậy, ngôn ngữ cầu nguyện diễn đạt tâm tình của con người trước Thiên Chúa, cũng là suối nguồn ân sủng, trợ lực cho đời sống đức tin, giúp tín hữu không ngừng tiến bước trên hành trình nên thánh và tìm thấy niềm vui trong Chúa.

2. Trong văn học, âm nhạc và hội họa

Ngôn ngữ cầu nguyện trở thành nguồn cảm hứng dồi dào cho các loại hình nghệ thuật như văn học, âm nhạc và hội họa. Với vẻ đẹp thiêng liêng và chiều sâu tâm linh, ngôn ngữ này đã thấm nhuần trong thơ ca, thánh ca và những tác phẩm hội họa tôn giáo, góp phần hun đúc đời sống tinh thần, nâng đỡ tâm hồn và khơi dậy những giá trị nhân văn cao đẹp. Sự kết hợp giữa đức tin và nghệ thuật làm phong phú đời sống văn hóa Công giáo, để lại dấu ấn sâu sắc trong nền văn hóa dân tộc, tạo nên những tác phẩm mang tính vĩnh cửu, chạm đến trái tim con người qua nhiều thế hệ.

Ngôn ngữ cầu nguyện luôn mở rộng phạm vi ảnh hưởng, thâm nhập vào đời sống văn hóa và văn học Việt Nam; đặc biệt, thể hiện rõ nét trong ca dao, trong sáng tác của các tác giả Công giáo, phản ánh sự gắn kết chặt chẽ giữa đức tin tôn giáo và truyền thống dân tộc.

Ngôn ngữ cầu nguyện trong ca dao, tục ngữ và văn thơ Công giáo, với sự giản dị mà sâu lắng, đã góp phần tạo nên một dòng chảy văn hóa độc đáo trong cộng đồng tín hữu. Nhiều câu ca dao, tục ngữ mang âm hưởng Kinh Thánh, thể hiện tâm tình tin yêu, phó thác vào Thiên Chúa và nếp sống theo giáo huấn Tin Mừng. Bài ca dao sau là lời răn dạy về đạo đức trong đời sống tôn giáo, mang tính phổ quát về sự hòa hợp, đoàn kết giữa con người với nhau, hướng đến một đời sống thiện lành và ý thức về trách nhiệm trước Chúa và cộng đồng:

*"Anh em cùng một đức tin*

*Hãy vì danh Chúa dằn mình nhịn nhau*

*Làm gì đừng để Chúa đau*

*Nữa mai họp mặt, nói sao với Ngài"*

Lời thơ nhắc nhở mỗi người hãy sống khoan dung, khiêm nhường, biết nhẫn nhịn nhau vì danh Chúa. Đó là sự nhẫn nhịn trong đời sống thường nhật, là hành động thể hiện lòng tôn kính Thiên Chúa.

Câu ca dao sau lại mang âm hưởng trang nghiêm, thể hiện lòng tôn kính sâu sắc đối với Chúa Kitô trong Bí tích Thánh Thể; phản ánh tinh thần giáo dục đức tin trong phong trào Thiếu Nhi Thánh Thể, nơi trẻ em được hướng dẫn sống gắn bó với Chúa qua cầu nguyện và các thực hành đạo đức thường nhật:

*"Thiếu Nhi Thánh Thể nhiệm mầu*

*Tôn sùng rước lễ nhà chầu viếng thăm"*

Nhiều câu ca dao phản ánh mối liên hệ chặt chẽ giữa lịch phụng vụ Công giáo và chu trình sản xuất nông nghiệp trong đời sống người dân Việt Nam; chúng hòa quyện giữa đức tin tôn giáo và kinh nghiệm lao động, cho thấy cách con người căn cứ vào các ngày lễ lớn trong năm để sắp xếp công việc đồng áng.

*"Lễ Rosa thì tra hạt bí*

*Lễ Các thánh thì đánh bí ra";*

*"Lễ Các Thánh gánh mạ đi gieo*

*Lễ Sinh Nhật giật mạ đi cấy****[[13]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_edn13)****"*

Những bài ca dao mộc mạc, dễ nhớ ấy diễn đạt đức tin, trở thành nét đẹp trong kho tàng văn hóa dân gian, nơi lời kinh Công giáo hòa quyện với nhịp sống thường nhật, phản chiếu tinh thần đạo đức và sự gắn bó bền chặt giữa con người với Thiên Chúa.

Cùng với ca dao, văn học Công giáo cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc từ ngôn ngữ cầu nguyện. Nhiều tác giả đã sử dụng lời nguyện như một khí cụ thiêng liêng để diễn tả chiều sâu tâm linh và niềm khao khát hướng về Thiên Chúa (Câu lạc bộ *Tâm Nguyện*, *Đồng xanh thơ*, *Thi ca cầu nguyện...*).

Thi sĩ Hàn Mặc Tử, trong các thi phẩm như "*Ave Maria",* *"Lời Trăng Trối"*, đã để lời thơ ngân vang như một lời nguyện dâng, biểu lộ niềm tin mãnh liệt vào Đấng-Toàn-Năng, đồng thời thể hiện khát vọng siêu thoát và kiếm tìm ơn cứu độ. Chính ngôn ngữ cầu nguyện đã làm nên nét độc đáo trong thơ ông, nơi nỗi đau trần thế hòa quyện cùng ánh sáng huyền linh, tạo nên những vần thơ thống khổ mà tràn đầy niềm hy vọng cánh chung. Nhà thơ Trăng Thập Tự đã gắn kết thơ trữ tình với những lời nguyện sốt mến, mở ra một không gian thiêng liêng, dẫn đưa tâm hồn đến gần hơn với mầu nhiệm đức tin. Ngôn ngữ trong thơ Trăng Thập Tự chất chứa những suy tư về đức tin và ân sủng, vang vọng lời ca ngợi Thiên Chúa, thể hiện niềm cậy trông và khát vọng hướng về cõi vĩnh hằng[[14]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_edn14). Thơ Lê Đình Bảng có hẳn một tuyên ngôn thơ: “*Tôi làm thơ nghĩa là tôi cầu nguyện/ Hồn reo vui trong từng chữ từng lời”.*Thơ ông giàu chất trữ tình và thiêng liêng, kết hợp hài hòa giữa đức tin Công giáo và truyền thống văn hóa dân tộc. Ông sử dụng ngôn ngữ trang nhã, giàu nhạc tính, tạo nên những vần thơ sâu lắng, đầy xúc cảm, vừa như lời nguyện cầu, vừa như khúc tụng ca tôn vinh Thiên Chúa và con người[[15]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_edn15). Thơ Cao Gia An S.J mang đậm tinh thần chiêm niệm, kết hợp giữa triết lý Thánh Kinh và cảm thức nhân sinh sâu sắc. Ngôn ngữ thơ trang nhã, giàu hình ảnh biểu tượng, thể hiện nỗi thao thức về đức tin, tình yêu và ơn cứu rỗi, đồng thời mở ra không gian thiêng liêng, nơi con người đối thoại với Thiên Chúa trong hành trình kiếm tìm ý nghĩa cuộc đời[[16]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_edn16)... Điểm xuyết một số tác giả cho thấy, ngôn ngữ cầu nguyện là lời kinh dâng lên Thiên Chúa, cũng là nguồn cảm hứng sáng tạo nghệ thuật, góp phần làm phong phú nền văn học Công giáo, đồng thời lưu giữ và chuyển tải đức tin qua từng trang viết.

Ngôn ngữ cầu nguyện không chỉ thấm nhuần trong văn hóa dân gian và văn học Công giáo mà còn lan tỏa mạnh mẽ trong các loại hình nghệ thuật khác như âm nhạc và hội họa, tạo nên những tác phẩm mang đậm tinh thần thiêng liêng và giá trị nhân văn sâu sắc. Trong âm nhạc, các bài thánh ca được sáng tác dựa trên nền tảng ngôn ngữ cầu nguyện, không chỉ là lời ngợi ca Thiên Chúa mà còn khơi dậy lòng yêu thương, sự khoan dung và tinh thần hiệp nhất giữa con người với nhau. Những bài thánh ca như *"Lạy Chúa Con Là Người Ngoại Đạo"*, *"Kinh Hòa Bình"*, *"Xin Vâng"*, *"Cao Cung Lên"...* đều chứa đựng nội dung cầu nguyện sâu lắng, giúp người tín hữu hướng tâm hồn về Chân - Thiện - Mỹ, đồng thời truyền tải thông điệp về tình yêu thương, sự tha thứ và lòng nhân ái trong cộng đồng. Thánh ca không chỉ vang lên trong các buổi phụng vụ mà còn trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần, giúp con người tìm thấy sự bình an, nâng đỡ nhau trong những lúc đau khổ, hoạn nạn.

Bên cạnh âm nhạc, hội họa Công giáo cũng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của ngôn ngữ cầu nguyện. Các bức tranh tôn giáo, đặc biệt là những tác phẩm vẽ về Đức Mẹ Maria, Chúa Giêsu, các thánh và những cảnh trong Kinh Thánh, thường được hình thành từ những suy niệm và lời cầu nguyện của các nghệ sĩ. Những tác phẩm nổi tiếng như *"Chúa Giêsu chịu nạn"*, *"Đức Mẹ sầu bi"*, *"Đức Mẹ Đồng Trinh cầu nguyện", "Bữa Tiệc Ly"*, *"Thánh Phanxicô trong cầu nguyện"*,... hay các bức tranh kính trang trí trong nhà thờ đều mang trong mình ngôn ngữ cầu nguyện bằng hình ảnh, gợi lên sự thiêng liêng, lòng thành kính và thúc đẩy con người sống theo giáo huấn Tin Mừng. Ở Việt Nam, nghệ thuật hội họa Công giáo không chỉ hiện diện trong các thánh đường mà còn hòa vào đời sống dân gian qua các tranh kính, tượng gỗ, phù điêu trong các nhà thờ, tu viện và cả trong các gia đình Công giáo.

Từ văn học, âm nhạc đến hội họa, ngôn ngữ cầu nguyện trở thành nguồn cảm hứng nghệ thuật, giúp con người hướng thiện, mở lòng với tha nhân và củng cố tinh thần cộng đồng. Chính sự hòa quyện giữa cầu nguyện và nghệ thuật đã làm nên một dòng chảy văn hóa Công giáo phong phú, lan tỏa những giá trị cao đẹp vào đời sống xã hội.

3. Trong ngôn ngữ đời sống và giao tiếp

Không chỉ tác động đến văn học và văn hóa, ngôn ngữ cầu nguyện còn ảnh hưởng sâu sắc đến cách người Công giáo sử dụng tiếng Việt trong đời sống và giao tiếp. Một số từ ngữ xuất phát từ kinh nguyện vừa hiện diện trong phụng vụ, vừa quen thuộc trong giao tiếp, thể hiện tinh thần đức tin và sự gắn kết cộng đoàn.

Những từ ngữ cầu nguyện đi vào đời sống hằng ngày: Người Công giáo thường xuyên sử dụng những cụm từ có nguồn gốc từ ngôn ngữ phụng vụ và lời kinh trong giao tiếp đời thường. Chẳng hạn: *"Amen"* – dùng để kết thúc lời cầu nguyện, được sử dụng như một cách bày tỏ sự đồng tình, xác tín. *"Tạ ơn Chúa"* – diễn đạt lòng biết ơn về những điều tốt đẹp xảy đến trong cuộc sống, ngay trong những hoàn cảnh không mang tính tôn giáo. *"Bình an"* – vừa là lời chúc trong Thánh lễ vừa là cách chào hỏi thân tình giữa các tín hữu, phản ánh tinh thần hiệp nhất trong cộng đoàn.

Ngôn ngữ cầu nguyện và ngôn ngữ đời thường có sự khác biệt rõ rệt trong cách diễn đạt, mặc dù cả hai đều thể hiện tâm tình hướng về Thiên Chúa. Ngôn ngữ cầu nguyện mang tính trang trọng, kính cẩn, thường sử dụng nhiều từ ngữ cổ kính và nhịp điệu trang nghiêm, trong khi ngôn ngữ đời thường lại giản dị, trực tiếp và gần gũi hơn. Chẳng hạn, trong lời cầu nguyện, người tín hữu thường thưa: *"Lạy Chúa, xin thương xót con, là kẻ tội lỗi,"* nhưng trong giao tiếp hàng ngày, cách nói sẽ đơn giản hơn: *"Con xin lỗi Chúa vì những lỗi lầm của con."* Tương tự, khi hướng về Đức Mẹ, lời cầu nguyện có thể là: *"Lạy Mẹ Maria, xin đoái thương con trong cơn gian nan thử thách,"* còn trong lời nói thường ngày, người ta có thể thốt lên: *"Mẹ Maria ơi, xin giúp con vượt qua khó khăn này."* Khi tạ ơn, người tín hữu trong giờ kinh có thể nói: *"Tạ ơn Chúa đã ban cho con muôn hồng ân trong cuộc sống này,"* nhưng trong đời thường, câu nói sẽ đơn giản hơn: *"Con cảm ơn Chúa vì những điều tốt đẹp trong đời con."* Sự khác biệt này còn thể hiện trong lời cầu xin: *"Nguyện xin Thiên Chúa ban bình an và phúc lành cho chúng con,"* so với cách nói quen thuộc hơn: *"Chúa ơi, xin cho gia đình con được bình an."* Hay khi tìm kiếm sự soi sáng, người tín hữu có thể cầu nguyện: *"Xin Chúa soi sáng và dẫn dắt con trên đường ngay nẻo chính,"* nhưng trong cuộc sống hàng ngày, có thể nói đơn giản: *"Chúa ơi, xin giúp con biết chọn điều đúng đắn."* Như vậy, dù có sự khác biệt trong cách diễn đạt, cả hai hình thức ngôn ngữ đều phản ánh tâm tình hướng về Chúa, bày tỏ lòng tín thác và khát khao sống theo thánh ý Ngài.

Qua nhiều thế kỷ, những lời kinh cầu nguyện đã góp phần định hình tư duy, cảm thức tôn giáo và phong cách diễn đạt của tín hữu, tạo nên một bản sắc riêng trong đời sống đức tin và văn hóa Việt Nam.

4. Trong hình thành và phát triển các giá trị xã hội

Ngôn ngữ cầu nguyện trong ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống xã hội, góp phần định hình và phát triển những giá trị nhân ái, khoan dung và tinh thần đoàn kết cộng đồng. Trước hết, cầu nguyện giúp nuôi dưỡng lòng nhân ái, bởi những lời kinh như *"Kinh Lạy Cha"*, *"Kinh Kính Mừng"*, *"Kinh Hòa Bình của Thánh Phanxicô"* đều nhấn mạnh đến tình yêu thương, sự cảm thông và lòng trắc ẩn. Đặc biệt, trong *"Kinh Hòa Bình của Thánh Phanxicô"*, lời nguyện tha thiết: *"Lạy Chúa từ nhân, xin cho con biết mến yêu và phụng sự Chúa trong mọi người"* đã thôi thúc các tín hữu sống vị tha, giúp đỡ người nghèo khó, bệnh tật và những ai đang đau khổ. Bên cạnh đó, cầu nguyện còn dạy con người về lòng khoan dung và sự tha thứ. Trong *"Kinh Lạy Cha"*, câu *"Xin tha nợ chúng con như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con"* nhắc nhở mỗi người về trách nhiệm sống bao dung, không nuôi hận thù, biết thứ tha như chính Thiên Chúa đã tha thứ cho họ. Điều này đặc biệt quan trọng trong một thế giới đầy xung đột, giúp con người biết đối thoại, hóa giải hiểu lầm và xây dựng hòa bình. Hơn nữa, ngôn ngữ cầu nguyện cũng đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố tinh thần đoàn kết cộng đồng. Những lời kinh như *"Kinh Tin Kính"*, *"Kinh Cầu Các Thánh"*, hay những kinh nguyện chung trong Thánh Lễ đều giúp các tín hữu ý thức về sự hiệp nhất trong đức tin, cùng nhau xây dựng một cộng đồng yêu thương, nâng đỡ lẫn nhau. Như trong *"Kinh Tin Kính"*, việc tuyên xưng đức tin vào *"Hội Thánh duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền"* thể hiện sự gắn kết không chỉ trong lòng Giáo hội mà còn trong các tương quan xã hội, thúc đẩy tình huynh đệ giữa con người với nhau. Chính từ những giá trị này, cầu nguyện góp phần xây dựng một nền đạo đức xã hội vững chắc, nơi con người ý thức hơn về công lý, hòa bình và lòng trung thực. Trong bối cảnh xã hội hiện đại đầy biến động, khi con người ngày càng bị cuốn vào nhịp sống vật chất và căng thẳng, ngôn ngữ cầu nguyện vẫn giữ vai trò quan trọng, giúp vun đắp những giá trị tốt đẹp, hướng con người đến sự thiện lành và góp phần kiến tạo một thế giới nhân văn hơn.

5. So sánh ngôn ngữ cầu nguyện của Công giáo với Phật giáo

Ngôn ngữ cầu nguyện trong **Công giáo** và **Phật giáo** có nhiều điểm khác biệt do xuất phát từ hai hệ thống tư tưởng và tôn giáo khác nhau. Tuy nhiên, cả hai đều hướng con người đến sự thiêng liêng, giải thoát và giao hòa với thần linh hoặc chân lý tối thượng.

Dưới đây là bảng so sánh chi tiết:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Ngôn ngữ cầu nguyện Công giáo** | **Ngôn ngữ cầu nguyện Phật giáo** |
| **Mục đích** | Đối thoại với Thiên Chúa, xin ơn cứu độ, sám hối, tạ ơn, ca ngợi Chúa. | Cầu mong giác ngộ, tích lũy công đức, giải thoát, cầu an, cầu siêu. |
| **Hình thức chính** | - Lời kinh cố định (*Kinh Lạy Cha, Kinh Kính Mừng*).  - Cầu nguyện cá nhân hoặc tập thể trong Thánh lễ. | - Tụng kinh (*Chú Đại Bi, Chú Lăng Nghiêm*).  - Niệm Phật (*Nam mô A Di Đà Phật*).  - Trì chú để tích công đức. |
| **Ngôn ngữ sử dụng** | - Trang trọng, ảnh hưởng từ tiếng Latinh, Kinh Thánh.  - Nhiều từ Hán-Việt (*Thiên Chúa, cứu độ, hiển vinh*). | - Ảnh hưởng từ tiếng Phạn, Pali và Hán ngữ.  - Sử dụng điệp từ, âm tiết có tiết tấu *(Oṃ Maṇi Padme Hūṃ).* |
| **Cách cầu nguyện** | - Cá nhân hoặc cộng đoàn, có thể đọc kinh, hát thánh ca.  - Mang tính đối thoại với Thiên Chúa (*Lạy Chúa, xin thương xót*). | - Tụng kinh theo bài bản có sẵn, nhấn mạnh âm thanh và rung động khi trì chú.  - Niệm Phật hoặc thiền định để thanh lọc tâm hồn. |
| **Cấu trúc câu cầu nguyện** | - Thường có cấu trúc khẩn xin (*“Lạy Chúa, xin ban phúc lành”*).  - Nhiều lời cầu nguyện có tính suy niệm. | - Câu cầu nguyện mang tính lặp lại (*Nam mô A Di Đà Phật*).  - Nhấn mạnh vào thanh âm và tiết tấu khi trì chú. |
| **Tính cá nhân & cộng đồng** | - Cả cá nhân và cộng đồng đều có vai trò quan trọng.  - Cầu nguyện cá nhân có thể diễn ra bất kỳ lúc nào.  - Thánh lễ và giờ kinh là cơ hội cầu nguyện chung. | - Cầu nguyện cá nhân quan trọng (niệm Phật, thiền).  - Tụng kinh trong chùa mang tính cộng đồng, đặc biệt trong lễ cầu siêu, cầu an. |
| **Tính linh thiêng & linh ứng** | - Tin rằng Thiên Chúa lắng nghe lời cầu nguyện.  - Có thể xin ơn hoặc tạ ơn trực tiếp với Chúa. | - Chú trọng đến công đức và nghiệp lực, xem cầu nguyện là cách tích lũy phước lành và giải thoát khỏi luân hồi. |

Ngôn ngữ cầu nguyện trong Công giáo mang tính đối thoại trực tiếp với Thiên Chúa, nhấn mạnh cả khía cạnh cá nhân và cộng đồng, với cấu trúc trang trọng nhưng dễ hiểu, giúp tín hữu bày tỏ niềm tin, sám hối, tạ ơn và khẩn xin. Ngôn ngữ cầu nguyện trong Phật giáo thiên về tụng niệm và trì chú, chú trọng vào âm thanh, tiết tấu và rung động, đóng vai trò như một phương tiện thiền định, giúp tâm thức an tĩnh và tích lũy công đức. Nếu như Công giáo xem cầu nguyện là lời thưa gửi, khẩn xin ơn lành từ Thiên Chúa, thì Phật giáo lại coi đây là cách để tịnh tâm, chuyển hóa nghiệp lực và hướng đến giác ngộ.

**V. Đôi điều suy tư**

Mỗi lời kinh, câu nguyện trong Công giáo đều diễn đạt niềm tin, thể hiện lòng sốt mến và chiều sâu tâm linh. Vì thế, bảo tồn bản sắc thiêng liêng của ngôn ngữ cầu nguyện là một sứ mạng quan trọng, nhằm gìn giữ ơn thánh trong đời sống đức tin.

1. Giữ gìn bản sắc thiêng liêng của ngôn ngữ cầu nguyện

Trong bối cảnh xã hội không ngừng đổi thay, việc hiện đại hóa ngôn ngữ cầu nguyện cần được thực hiện thận trọng, tránh làm mất đi vẻ đẹp linh thánh. Những bản kinh truyền qua các thế kỷ vừa là di sản đức tin vừa là kho tàng thiêng liêng của Hội Thánh. Do đó, mọi điều chỉnh hay cập nhật cần có sự hướng dẫn của Giáo hội, tham vấn các nhà thần học và chuyên gia ngôn ngữ để bảo đảm không làm suy giảm giá trị linh thánh và sự trang nghiêm của kinh nguyện. Bên cạnh đó, khi dịch thuật hay hiệu đính các bản kinh truyền thống, cần trung thành với tinh thần nguyên bản. Việc sử dụng ngôn ngữ nhất quán, cẩn trọng trong từng câu chữ, cần bảo vệ tính truyền thống và sự nối kết giữa các thế hệ tín hữu.

2. Làm mới cách tiếp cận để phù hợp với thời đại

Dẫu rằng ngôn ngữ cầu nguyện mang tính bền vững trong giá trị thiêng liêng, nhưng cách thức cầu nguyện và phổ biến lời kinh nguyện nên được canh tân để phù hợp với mỗi thời đại. Trong thời đại kỹ thuật số, khi con người tiếp cận thông tin bằng nhiều phương tiện hiện đại, Giáo hội khuyến khích tận dụng những phương tiện này để đưa ngôn ngữ cầu nguyện đến gần hơn với tín hữu, đặc biệt là giới trẻ.

Các nền tảng trực tuyến, ứng dụng di động, mạng xã hội hay các phương tiện truyền thông Công giáo có thể trở thành cánh cửa mở ra không gian cầu nguyện sống động, giúp tín hữu duy trì đời sống thiêng liêng ngay giữa nhịp sống hiện đại. Việc phát triển các nội dung số hóa như sách kinh điện tử, video suy niệm, chuỗi Mân Côi trực tuyến, hay các chương trình cầu nguyện hàng ngày có thể giúp lời kinh thấm nhuần vào đời sống. Điều quan trọng là mọi đổi mới cần giữ được tinh thần thần học và sự thánh thiêng của lời cầu nguyện, để tín hữu vừa đọc kinh, vừa cảm nghiệm sâu xa sự hiện diện của Thiên Chúa qua từng lời kinh ấy. Bên cạnh đó, cần khuyến khích những hình thức cầu nguyện mang tính sáng tạo nhưng vẫn trên nền tảng vững chắc của đức tin Công giáo. Việc kết hợp nghệ thuật trong cầu nguyện, như những bản thánh ca đầy tâm tình, những vần thơ ngợi ca Thiên Chúa hay những bức họa tôn vinh mầu nhiệm đức tin, sẽ giúp tâm hồn con người dễ dàng mở ra với Chúa hơn. Khi ngôn ngữ cầu nguyện được hòa quyện cùng nghệ thuật, lời kinh được chiêm niệm, cảm nhận và sống trọn vẹn trong từng khoảnh khắc của đời tín hữu.

3. Nghiên cứu thêm về ảnh hưởng của ngôn ngữ cầu nguyện trong bối cảnh đa văn hóa

Ngôn ngữ cầu nguyện vừa phản ánh đức tin cách riêng vừa mang dấu ấn văn hóa, lịch sử và truyền thống của mỗi cộng đồng tín hữu. Trong dòng chảy của lịch sử Giáo hội, ngôn ngữ cầu nguyện đã được hình thành, phát triển và thích nghi với từng thời đại, từng dân tộc, từng nền văn hóa. Chính vì thế, việc nghiên cứu sâu rộng về vai trò của ngôn ngữ cầu nguyện trong bối cảnh đa văn hóa là điều cần thiết để có những định hướng phù hợp.

Một hướng nghiên cứu đáng quan tâm là đối chiếu ngôn ngữ cầu nguyện trong Công giáo với ngôn ngữ cầu nguyện của các tôn giáo bạn; giúp làm sáng tỏ những nét đặc trưng của ngôn ngữ cầu nguyện Công giáo, mở ra cơ hội đối thoại liên tôn, góp phần xây dựng sự hòa hợp và cảm thông giữa các truyền thống tôn giáo. Khi hiểu được cách diễn đạt đức tin của các cộng đồng tôn giáo bạn, người tín hữu có thể củng cố thêm sự xác tín vào đức tin của mình, đồng thời trân trọng sự phong phú của đời sống tâm linh nhân loại.

Việc nghiên cứu sự phát triển của ngôn ngữ cầu nguyện qua các thời kỳ lịch sử cũng mang lại những bài học quan trọng. Từ những bản kinh Latinh trang trọng thời Trung Cổ, đến các bản dịch bằng ngôn ngữ bản địa sau Công đồng Vatican II, sự chuyển biến trong cách cầu nguyện phản ánh những canh tân trong Giáo hội, cho thấy cách Thiên Chúa hướng dẫn dân Người qua từng giai đoạn lịch sử. Những nghiên cứu này sẽ giúp Giáo hội có những định hướng vững chắc trong việc bảo tồn và phát triển ngôn ngữ cầu nguyện trong tương lai.

Giữa dòng chảy của thời gian, ngôn ngữ cầu nguyện vẫn luôn là cầu nối thiêng liêng giữa con người và Thiên Chúa. Dẫu xã hội có thay đổi, dẫu ngôn ngữ có triển nở, nhưng cốt lõi của lời cầu nguyện vẫn cần giữ được sự trang nghiêm, thánh thiêng và sốt mến. Vì vậy, việc giữ gìn và phát triển ngôn ngữ cầu nguyện vừa là trách nhiệm của Giáo hội, của các nhà thần học và ngôn ngữ học, vừa là sứ mạng của mỗi tín hữu trong đời sống đức tin. Khi cùng nhau vun đắp và bảo vệ ngôn ngữ cầu nguyện, chúng ta gìn giữ một di sản thiêng liêng, tiếp tục xây dựng một cộng đoàn đức tin hiệp nhất, nơi mọi người đều có thể tìm thấy ánh sáng và ân sủng của Thiên Chúa.

**VI. Kết luận**

Ngôn ngữ cầu nguyện trong Công giáo là một hiện tượng ngôn ngữ đặc thù, giàu biểu tượng, thấm nhuần tinh thần Kinh Thánh. Từ những lời kinh cổ xưa bằng tiếng Latinh đến những hình thức cầu nguyện bằng ngôn ngữ bản địa, sự phát triển của ngôn ngữ cầu nguyện phản ánh sự thích nghi của Giáo hội với từng thời kỳ lịch sử cũng như khát vọng tâm linh của tín hữu.

Trải qua nhiều biến đổi, ngôn ngữ cầu nguyện luôn giữ vai trò quan trọng trong đời sống đức tin, ảnh hưởng sâu rộng đến văn hóa và ngôn ngữ. Những lời cầu nguyện được lưu truyền qua nhiều thế hệ đã trở thành di sản thiêng liêng, góp phần định hình tư duy và cách biểu đạt của người Công giáo. Đồng thời, sự canh tân trong ngôn ngữ cầu nguyện cũng phản ánh sự vận động của Giáo hội và xã hội, từ những hình thức trang trọng cổ điển đến những lời kinh gần gũi, dễ hiểu hơn với đời sống đương đại.

Ngôn ngữ cầu nguyện trong Công giáo cần được nghiên cứu sâu hơn trong mối quan hệ với các xu hướng ngôn ngữ hiện đại. Việc phân tích sự giao thoa giữa ngôn ngữ cầu nguyện và ngôn ngữ đời sống sẽ làm sáng tỏ cơ chế thích ứng của ngôn ngữ này trong bối cảnh đa văn hóa và sự phát triển của công nghệ. Qua đó, nghiên cứu và ứng dụng ngôn ngữ cầu nguyện góp phần bảo tồn giá trị thiêng liêng trong đời sống đức tin, mở ra những phương thức truyền tải hiệu quả, giúp tín hữu hòa nhập sâu hơn vào đời sống tâm linh trong thế giới ngày nay.

*Hải Phòng, 13/3/2025*

**M.V.P**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đức Giáo Hoàng Biển Đức XVI (Sách thần học và suy niệm, 2029), *Cầu nguyện trên nền tảng Kinh Thánh L’uomo in Preghiera* (nguyên tác), Chuyển ngữ: Giuse Phan Văn Phi, Nxb. Đồng Nai;

2. Linh mục Đan Lê (Sách cầu nguyện và suy niệm Công giáo, 2004), *Lời cầu trong gian truân*, Nxb. Tôn giáo;

3. Linh mục Gioan Phêrô Võ Tá Khánh biên soạn (2018), *Kinh nguyện Gia đình và Gia lễ Công giáo*, Nxb. Hồng Đức;

4. Đức Cha Phêrô Nguyễn Văn Khảm chủ biên (Sách cẩm nang sống đạo, 2014), Gia đình sống Lời Chúa hằng ngày, Nxb. Tôn Giáo;

5. Đức Tổng Giám Mục Giuse Nguyễn Năng (Sách suy niệm Lời Chúa, 2023), *Cầu nguyện với phúc âm hằng ngày*, Nxb. Đồng nai;

6. Linh mục Bosco Nguyễn Văn Ðình và linh mục Giuse Nguyễn Hữu Triết (Sách lịch sử tôn giáo, 2019), *Lịch sử Giáo hội Công giáo*, Nxb. Hồng Ðức và Công ty Tri Thức liên kết ấn hành.

[[1]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_ednref1) *"Ngắm 15 sự thương khó Đức Chúa Giê-su"* là hình thức suy niệm truyền thống của Công giáo Việt Nam, xuất phát từ các thừa sai, mang âm hưởng bi thương và sám hối. Bản ngắm gồm 15 đoạn, diễn tả Cuộc Khổ Nạn của Chúa từ vườn Giết-sê-ma-ni đến khi mai táng. Qua đó, tín hữu chiêm niệm tình yêu cứu chuộc, sám hối và kết hợp với Chúa trong đau khổ.

[[2]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_ednref2) *"Kinh Lạy Cha"* là lời cầu nguyện quan trọng nhất trong Kitô giáo, do Chúa Giêsu dạy các môn đệ (Mt 6:9-13; Lc 11:2-4). Với bảy lời cầu xin, lời kinh tôn vinh Thiên Chúa, bày tỏ sự tín thác, xin ơn tha thứ, lương thực, và sự bảo vệ khỏi cám dỗ. Là cốt lõi của phụng vụ và đời sống đức tin, *"Kinh Lạy Cha"* kết nối con người với Thiên Chúa, đồng thời mời gọi sống yêu thương, tha thứ và hiệp nhất trong cộng đoàn.

[[3]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_ednref3)*"Kinh Kính Mừng"*có nguồn gốc từ Kinh Thánh, với phần đầu trích từ lời chào của sứ thần Gabriel và bà Êlisabét dành cho Đức Maria (Lc 1,28; 1,42). Phần sau được Giáo hội bổ sung vào thế kỷ XV, hoàn thiện thành lời cầu xin Đức Mẹ cầu bầu cho nhân loại. Kinh xin Mẹ Maria chuyển cầu và che chở, đặc biệt trong giờ lâm tử. Đây là kinh quan trọng trong đời sống Kitô hữu, là trung tâm của chuỗi Mân Côi, giúp tín hữu suy niệm về cuộc đời Chúa Kitô qua sự đồng hành của Đức Mẹ.

[[4]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_ednref4)*"Kinh Tin Kính"*được hình thành từ các tín điều Kitô giáo sơ khai, được hoàn thiện qua Công đồng Nicaea (325) và Công đồng Constantinople (381). Đây là bản tuyên xưng đức tin chung của Kitô hữu về Thiên Chúa Ba Ngôi, Đức Giêsu Kitô, và Hội Thánh. Kinh khẳng định nền tảng đức tin Công giáo, giúp tín hữu ý thức và gắn bó với niềm tin của Hội Thánh.

[[5]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_ednref5)*"Kinh Sáng Danh"*bắt nguồn từ lời ca ngợi Thiên Chúa trong phụng vụ Kitô giáo sơ khai, được định hình vào thế kỷ IV. Đây là lời tôn vinh Thiên Chúa Ba Ngôi: Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Kinh thể hiện lòng chúc tụng và tạ ơn Thiên Chúa, được đọc trong nhiều giờ kinh và phụng vụ, đặc biệt kết thúc các thánh vịnh và chuỗi Mân Côi, nhắc nhở tín hữu sống trong sự hiện diện và vinh quang Thiên Chúa.

[[6]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_ednref6) *"Kinh Hãy Nhớ"*có nguồn gốc từ thế kỷ XV, phổ biến nhờ Thánh Phanxicô Salêsiô và linh mục Claude Bernard. Đây là lời cầu nguyện khẩn nài Đức Mẹ Maria, bày tỏ lòng tin tưởng vào sự che chở của Mẹ. Kinh nhấn mạnh lòng thương xót của Đức Mẹ đối với mọi người tìm đến Mẹ trong cơn gian nan, khơi dậy niềm hy vọng và phó thác nơi Thiên Chúa.

[[7]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_ednref7) ***"Kinh Hòa Bình của Thánh Phanxicô"*** xuất hiện đầu thế kỷ XX của Thánh Phanxicô Assisi. Kinh là lời cầu xin trở thành khí cụ bình an của Thiên Chúa, đề cao tình yêu, sự tha thứ và hy sinh, khơi dậy tinh thần phục vụ và khiêm nhường trong đời sống Kitô hữu.

[[8]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_ednref8) ***"Kinh Dâng Mình Cho Trái Tim Chúa Giêsu"*** bắt nguồn từ lòng sùng kính Thánh Tâm Chúa Giêsu, phát triển mạnh vào thế kỷ XVII nhờ Thánh Margarita Maria Alacoque. Kinh diễn tả sự tận hiến trọn vẹn cho tình yêu và lòng thương xót của Chúa, mời gọi tín hữu sống theo Thánh Ý Chúa, noi gương khiêm nhường và hy sinh của Ngài.

[[9]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_ednref9) ***"Kinh Cầu Đức Bà"*** có từ thế kỷ XII, định hình vào thế kỷ XVI và được Giáo hội chấp thuận chính thức năm 1587. Kinh tôn vinh Đức Maria qua các danh hiệu diễn tả vai trò và nhân đức của Mẹ trong lịch sử cứu độ. Tín hữu đọc kinh này để cầu xin ơn lành, bày tỏ lòng tôn kính và noi gương Mẹ trong đời sống đức tin.

[[10]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_ednref10) ***"Kinh Cầu Thánh Giuse"*** được Giáo hoàng Piô X chấp thuận năm 1909, tôn vinh Thánh Giuse qua các danh hiệu thể hiện vai trò bảo trợ Hội Thánh và gia đình. Kinh bày tỏ lòng tín thác vào sự che chở của Thánh Giuse, khuyến khích noi gương khiêm nhường, công chính và trung tín của ngài trong đời sống Kitô hữu.

[[11]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_ednref11)***"Kinh Cầu Các Thánh"*** có từ thế kỷ IX, là lời cầu nguyện chung cổ xưa nhất trong Giáo hội, khẩn xin sự chuyển cầu của Đức Mẹ, các thiên thần và các thánh. Kinh thường được đọc trong các nghi thức trọng thể như rửa tội, phong chức, và cầu nguyện cho người qua đời, thể hiện sự hiệp thông của Hội Thánh trên trời và dưới thế.

[[12]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_ednref12) ***"Kinh Lạy Nữ Vương"***có từ thế kỷ XII, được cho là do Thánh Bênađô Clairvaux phổ biến. Kinh tôn vinh Đức Maria là Mẹ nhân lành, kêu xin Mẹ nâng đỡ trong cơn gian nan và dẫn dắt về với Chúa. Đây là một trong bốn kinh dâng kính Đức Mẹ, thường đọc vào cuối chuỗi Mân Côi và các giờ kinh phụng vụ.

[[13]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_ednref13) Những bài ca dao dẫn trong bài viết này rút từ bài "Từ ngữ Công giáo trong một số tục ngữ, ca dao tiếng Việt" của Lm. Giuse Vũ Văn Khương.

https://www.vanthoconggiao.net/2021/10/tu-ngu-cong-giao-trong-mot-so-tuc-ngu.html

[[14]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_ednref14) Xem bài viết *"Quá trình chuyển hóa biểu tượng "trăng" trong thơ Trăng Thập Tự"* của Mai Văn Phấn

https://maivanphan.com/phe-binh-van-hoc/qua-trinh-chuyen-hoa-bieu-tuong-trang-trong-tho-trang-thap-tu-phe-binh-mai-van-phan-21546

[[15]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_ednref15) Xem bài viết "Thế giới thơ Francis Assisi Lê Đình Bảng" của Mai Văn Phấn

https://maivanphan.com/phe-binh-van-hoc/the-gioi-tho-francis-assisi-le-dinh-bang-phe-binh-mai-van-phan-21627

[[16]](file:///C:\\Users\\Admin\\Downloads\\Ng%C3%B4n%20ng%E1%BB%AF%20c%E1%BA%A7u%20nguy%E1%BB%87n%20trong%20C%C3%B4ng%20gi%C3%A1o%20-%20MVP.docx" \l "_ednref16) Xem bài viết "Cấu trúc không gian thơ Cao Gia An, S.J." của Mai Văn Phấn

https://maivanphan.com/phe-binh-van-hoc/cau-truc-khong-gian-tho-cao-gia-an-s-j-phe-binh-mai-van-phan-21588

|  |
| --- |
|  |

﻿[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân**

**LỜI TẠM BIỆT:**

****

**Kính xin mọi người hiệp thông**

**cầu nguyện cho Cha Cố**

**PX. Hoàng Đình Mai**

**1947- 01.09.2018**

**Xin chân thành cám ơn**

**Quán trọ đời chân trần nay đã mỏi,**

**Chào mọi người tôi tạm biệt ra đi,**

**Đột ngột chia tay chẳng kịp nói gì.**

**Xin nhắn gửi đôi lời ai ở lại:**

**"Quà Tặng Tin Mừng" đang đợi tiếp theo...**

**"Cơm Yêu Thương" giúp ung thư ngặt nghèo.**

**Đa tạ tấm lòng chung tình bác ái.**

**Làm đẹp lòng Thiên Chúa: giáng Hồng Ân.**

**Kính báo:** Mọi sự giúp đỡ cho chương trình Quà Tặng Tin Mừng và Cơm Yêu Thương,

xin vui lòng liên lạc BBT CGVN conggiaovietnam@gmail.com

##### Tri Ân

**Cha Luca PHẠM QUỐC SỬ**

**Chủ Nhiệm Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam**



**30.12.1946 – 01.12.2020**

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gởi về địa chỉ

[giaosivietnam@gmail.com](mailto:giaosivietnam@gmail.com)

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ võ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ… (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

[www.conggiaovietnam.net](http://www.conggiaovietnam.net)

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quí vị

Xin chân thành cám ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thế khác nhau.

**TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam**

**Thư Ký: Giuse Phạm Hoàng Quỳnh.**

**TGP Baltimore** **USA**

1. x. T. AUGUSTINÔ, *De catechizandis rudibus*, ch. IV, 8: PL 40, 316. [↑](#footnote-ref-1)
2. x. Mt 11,27; Ga 1,14 và17; 14,6; 17,1-3; 2 Cr 3,16 và 4,6; Ep 1,3-14. [↑](#footnote-ref-2)
3. Epist. Ad Diognetum, 7, 4: xb. Funk, Patres Apostolici, 1, 403. [↑](#footnote-ref-3)
4. CĐ VATICAN I, Hiến chế tín lý về Đức tin Công giáo *Dei Filius*, ch. 3: DS 1789 (3008). [↑](#footnote-ref-4)
5. CĐ ORANGE II, điều 7: DS 180 (377); CĐ VATICAN I, 1. c, DS 1791 (3010). [↑](#footnote-ref-5)
6. CĐ VATICAN I, Hiến chế tín lý về Đức tin Công giáo *Dei Filius*, ch. 2: DS 1786 (3005). [↑](#footnote-ref-6)
7. nt.:DS 1785 và 1786 (3004 và 3005). [↑](#footnote-ref-7)